

Số tài khoản giao dịch

1	1	6	C						
---	---	---	---	--	--	--	--	--	--

HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Kiềm Giấy yêu cầu mở tài khoản giao dịch chứng khoán/giao dịch ký quỹ dành cho khách hàng lưu ký tại VPBankS)

Hợp đồng này được lập ngày.....tháng năm 20..., giữa:

I. KHÁCH HÀNG

Tên Khách hàng:

Số CMND/CCCD/HC/ĐKKD:

Ngày cấp:..... Nơi cấp: Loại hình: Cá nhân Tổ chức

Ngày sinh:..... Quốc tịch:..... Giới tính: Nam Nữ

Nghề nghiệp: Loại hình doanh nghiệp (Tổ chức):

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh (Tổ chức):

Địa chỉ thường trú/Trụ sở chính:

Địa chỉ liên hệ:.....

Điện thoại cố định: Fax: Mã số thuế:

Di động: Email:.....

Người đại diện: Chức vụ:.....

Số CMND/CCCD/HC: Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Văn bản ủy quyền số: Ngày :

II. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPBANK (sau đây gọi tắt là “VPBankS”)

Trụ sở chính : Tầng 21 và 25, Tòa nhà Văn phòng Thương mại, số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 1900 636679

Giấy phép TL&HD : 106/UBCK-GP Do: UBCKNN cấp ngày 08/04/2009

Người đại diện theo ủy quyền : Chức vụ:

CMND/CCCD/HC : Ngày cấp: Nơi cấp:

Văn bản ủy quyền số :

1. Khách hàng đăng ký và đề nghị VPBankS mở các tài khoản giao dịch chứng khoán, chi tiết tại mục A của Hợp đồng này.
2. Khách hàng đã tìm hiểu đầy đủ về các hình thức giao dịch chứng khoán và đồng ý với các nội dung “Bộ điều khoản và điều kiện của Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán” (Bộ T&C), đính kèm hợp đồng này, được VPBankS công bố trên website chính thức và được sửa đổi, bổ sung và áp dụng trong từng thời kỳ.
3. Khách hàng hoàn toàn ý thức được những rủi ro có thể phát sinh từ việc giao dịch chứng khoán và đồng ý chịu mọi rủi ro liên quan đến hình thức đầu tư và giao dịch chứng khoán mà mình lựa chọn.
4. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán được hiểu bao gồm văn bản hợp đồng này, các điều khoản và điều kiện, đăng ký dịch vụ và thông tin khách hàng cùng với các phụ lục, thỏa thuận khác mà Khách hàng đăng ký với VPBankS liên quan tới giao dịch chứng khoán.

KHÁCH HÀNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPBANK

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

Chữ ký mẫu của Khách hàng		Nhân viên tiếp nhận (Ký, ghi rõ họ tên)	Nhân viên mở TK (Ký, ghi rõ họ tên)	Kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)
Chữ ký 1	Chữ ký 2	Tôi xác nhận đã đối chiếu thông tin của Khách hàng. Khách hàng trực tiếp ký Hợp đồng và các giấy tờ có liên quan trước sự chứng kiến của tôi.		

ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ VÀ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG
(Là nội dung không tách rời của Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán)

A. ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

LOẠI TÀI KHOẢN

- Tài khoản giao dịch chứng khoán và tài khoản lưu ký chứng khoán**
(Được tự động kích hoạt trên cơ sở Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán của mọi Khách hàng)
- Mở tài khoản giao dịch ký quỹ**

LOẠI TÀI KHOẢN	SỐ TÀI KHOẢN	KÝ XÁC NHẬN
Tài khoản giao dịch ký quỹ (Là tài khoản được dùng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán)	1 1 6 C [] [] [] [] [] [] [] [] - []	

B. THÔNG TIN GIAO DỊCH KÝ QUỸ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC (BẮT BUỘC KÊ KHAI)

- Thông tin người có thẩm quyền ký kết, phê duyệt hạn mức vay:
Họ và tên: Chức vụ: theo văn bản ủy quyền số
- Khách hàng lựa chọn một trong hai mục dưới đây (chỉ được lựa chọn 1 hoặc 2):
 - Doanh nghiệp không quy định bắt buộc khi sử dụng các sản phẩm giao dịch ký quỹ.
 - Doanh nghiệp có các quy định khi sử dụng các sản phẩm giao dịch ký quỹ:
 - Hạn mức được ký kết, phê duyệt của Người đại diện/ủy quyền:
 - Hạn mức cần bổ sung thêm nghị quyết cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp (Đại hội đồng cổ đông *hoặc* Hội đồng quản trị *hoặc* Chủ tịch Hội đồng quản trị *hoặc* Hội đồng thành viên *hoặc* Chủ tịch Công ty):
 - Tỷ lệ % giá trị đầu tư/Tổng tài sản mà Người đại diện/Người ủy quyền được ký kết theo quy định của doanh nghiệp.

C. THÔNG TIN KHÁC CỦA CHỦ TÀI KHOẢN (NẾU CÓ)

- Tên công ty đại chúng mà Khách hàng sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết:

STT	Tên công ty đại chúng	Mã cổ phiếu

- Tên công ty đại chúng mà Khách hàng là Người nội bộ:

STT	Tên công ty đại chúng	Mã cổ phiếu	Chức vụ của Người nội bộ tại công ty đại chúng



--	--	--	--

3. Trường hợp Khách hàng là Người nội bộ của công ty đại chúng như nêu tại mục (2) trên đây, vui lòng cung cấp các thông tin dưới đây về người có liên quan của Khách hàng:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND/CCCD

D. THÔNG TIN CHỨNG KHOÁN VÀ KIẾN THỨC ĐẦU TƯ CỦA KHÁCH HÀNG

- | | | | |
|------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 1. Mục tiêu đầu tư: | <input type="checkbox"/> Ngắn hạn | <input type="checkbox"/> Trung hạn | <input type="checkbox"/> Dài hạn |
| 2. Mức độ chấp nhận Rủi ro: | <input type="checkbox"/> Thấp | <input type="checkbox"/> Trung bình | <input type="checkbox"/> Cao |
| 3. Hiểu biết về chứng khoán: | <input type="checkbox"/> Chưa có | <input type="checkbox"/> Hạn chế | <input type="checkbox"/> Tốt |
| 4. Kinh nghiệm đầu tư: | <input type="checkbox"/> Chưa có | <input type="checkbox"/> Cổ phiếu | <input type="checkbox"/> Trái phiếu |

E. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỤC ĐÍCH TUÂN THỦ FATCA	LỰA CHỌN
<p>Khách hàng không phải là công dân Hoa Kỳ, đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ, có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ hoặc không phải là doanh nghiệp/tổ chức/tổ chức tài chính được thành lập tại Hoa Kỳ hoạt động theo luật Hoa Kỳ hay bất kỳ bang nào của Hoa Kỳ hoặc có địa chỉ Hoa Kỳ (thuộc các đối tượng được liệt kê dưới đây).</p> <p><i>Trường hợp, Khách hàng là công dân Hoa Kỳ, đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ, có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ hoặc là doanh nghiệp/tổ chức/tổ chức tài chính được thành lập tại Hoa Kỳ hoạt động theo luật Hoa Kỳ hay bất kỳ bang nào của Hoa Kỳ hoặc có địa chỉ Hoa Kỳ xin vui lòng kê khai thông tin Mục 1,2,3 bên dưới.</i></p>	<input type="checkbox"/>
1. KHÁCH HÀNG LÀ CÁ NHÂN	
a. Khách hàng là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ (1) hoặc là đối tượng kê khai thuế tại Hoa Kỳ.	<input type="checkbox"/>
b. Khách hàng không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ nhưng có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ (2).	<input type="checkbox"/>
<i>Trường hợp khách hàng thuộc đối tượng (1) và (2), VPBankS sẽ thực hiện thu thập bổ sung thông tin từ khách hàng theo mẫu W9 và W8-BEN, W8-BENE và/ hoặc các tài liệu dưới hình thức khác chứng minh tình trạng cư trú thuế. Các mẫu biểu này được thực hiện theo quy định của Sở thuế vụ Hoa Kỳ. Thông tin do VPBankS thu thập sẽ được sử dụng duy nhất cho mục đích đáp ứng các yêu cầu tuân thủ theo quy định của FATCA và sẽ không được sử dụng cho bất kỳ một mục đích nào khác</i>	
2. KHÁCH HÀNG LÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH	
Trường hợp Khách hàng là tổ chức tài chính, xin vui lòng kê khai đầy đủ các thông tin còn thiếu và cung cấp Tờ khai thông tin FATCA dành cho Khách hàng là tổ chức tài chính cho VPBankS kèm theo Hợp đồng này.	<input type="checkbox"/>
3. KHÁCH HÀNG LÀ DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC	
Trường hợp Khách hàng là doanh nghiệp/tổ chức, xin vui lòng kê khai đầy đủ các thông tin còn thiếu và cung cấp Tờ khai thông tin FATCA dành cho Khách hàng là doanh nghiệp/tổ chức cho VPBankS	<input type="checkbox"/>



kèm theo Hợp đồng này.

F. ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ	LỰA CHỌN
<p>Bằng cách lựa chọn tại đây Khách hàng đồng ý sử dụng tất cả các nội dung giao dịch điện tử như liệt kê tại mục (1), (2), (3) dưới đây. Trường hợp lựa chọn từng dịch vụ riêng lẻ, Khách hàng vui lòng lựa chọn dịch vụ tương ứng phía dưới.</p>	<input type="checkbox"/>
1. GIAO DỊCH QUA ĐIỆN THOẠI	
<p>Số điện thoại đăng ký: (Mật khẩu giao dịch qua điện thoại được VPBankS gửi tới số điện thoại đăng ký)</p>	<input type="checkbox"/>
NỘI DUNG	
<p>Đăng ký thực hiện giao dịch tới hệ thống điện thoại cố định của VPBankS. Các loại giao dịch đăng ký thực hiện gồm: (i) Nhận thông tin, thông báo; (ii) Đặt lệnh (không bao gồm lệnh chuyển tiền trừ khi được VPBankS đồng ý bằng văn bản); (iii) Nhận mật khẩu, thông tin xác thực khác.</p>	<input type="checkbox"/>
2. GIAO DỊCH QUA THƯ ĐIỆN TỬ	
<p>Email đăng ký: là email đăng ký trên Hợp đồng mở tài khoản</p>	<input type="checkbox"/>
NỘI DUNG	
<p>Đăng ký thực hiện giao dịch từ hoặc qua thư điện tử Khách hàng đã đăng ký tới hệ thống thư điện tử của VPBankS. Các loại giao dịch đăng ký thực hiện gồm: (i) Nhận thông tin, thông báo; (ii) Nhận mật khẩu, thông tin xác thực khác; (iii) Gửi thông tin, thông báo và tài liệu khác Và/hoặc các tiện ích khác do VPBankS cung cấp cho Khách hàng từng thời kỳ.</p>	<input type="checkbox"/>
3. GIAO DỊCH QUA HỆ THỐNG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ	
<p>User đăng ký: là mã khách hàng do VPBankS cung cấp Số điện thoại đăng ký nhận Mật khẩu: là số điện thoại đã đăng ký mở tài khoản</p>	<input type="checkbox"/>
NỘI DUNG	
<p>Đăng ký thực hiện giao dịch và các thao tác khác trên tài khoản qua hệ thống website chuyên dụng, ứng dụng điện thoại di động và hệ thống giao dịch điện tử khác do VPBankS cung cấp/sử dụng. Các loại giao dịch và thao tác đăng ký thực hiện gồm: (i) Truy cập tài khoản và thực hiện thao tác trên tài khoản; (ii) Nhận thông tin, thông báo; (iii) Đặt, gửi lệnh (gồm cả lệnh chuyển tiền); (iv) Nhận mật khẩu, thông tin xác thực khác; (v) Ký kết hợp đồng/thỏa thuận điện tử; (vi) Gửi thông tin, thông báo và tài liệu khác; (vii) Thực hiện các giao dịch, thao tác khác có trên hệ thống.</p>	<input type="checkbox"/>
G. DỊCH VỤ TIỆN ÍCH	
NỘI DUNG	
<p>1. Ứng trước tiền bán tự động trên tiểu khoản thường. Biểu phí ứng trước được VPBankS quy định theo từng thời kỳ và được công bố trên website.</p>	<input type="checkbox"/>
<p>2. Thông báo kết quả giao dịch qua tin nhắn SMS (có thu phí). Biểu phí được VPBankS quy định theo từng thời kỳ và được công bố trên website.</p>	<input type="checkbox"/>
<p>3. Đề nghị hạch toán, quản lý giao dịch và các hoạt động quản lý khác liên quan đến Trái phiếu.</p>	<input type="checkbox"/>



H. CHUYỂN TIỀN/THANH TOÁN	
NỘI DUNG	
<i>Đăng ký chuyển tiền cùng tên chủ tài khoản</i>	
<input type="checkbox"/>	
Tên chủ tài khoản:..... Số tài khoản 1:..... Tại Ngân hàng:..... Tại Chi nhánh:	Tên chủ tài khoản:..... Số tài khoản 2:..... Tại Ngân hàng:..... Tại Chi nhánh:

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Khách hàng thay đổi email và số điện thoại liên hệ trên giấy đề nghị thay đổi thông tin sẽ đồng nghĩa với việc thay đổi email đăng ký giao dịch qua thư điện tử và số điện thoại giao dịch qua điện thoại.
- (2) VPBankS chỉ cung cấp các dịch vụ khi Khách hàng thực hiện đăng ký bằng cách điền X hoặc V. Nếu Khách hàng để trống mục lựa chọn VPBankS sẽ không cung cấp dịch vụ tương ứng.
- (3) Các dịch vụ Khách hàng đăng ký sẽ được VPBankS cung cấp hoặc không cung cấp theo chính sách áp dụng được VPBankS ban hành từng thời kỳ.
- (4) Khách hàng đăng ký chuyển tiền đến tài khoản khác tên chủ tài khoản hoặc đăng ký chuyển tiền sang tài khoản ngân hàng chỉ định cần đăng ký trực tiếp tại các điểm giao dịch của VPBankS hoặc liên hệ Chăm sóc khách hàng để được hướng dẫn.



BỘ ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

BỘ ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN này (sau đây gọi là “**Bộ T&C**”) là một phần không tách rời của Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán mà Bộ T&C này đính kèm (sau đây gọi là “**Hợp đồng mở TKCK**”).

Bộ T&C bao gồm: (Phần A) Những quy định chung; (Phần B) Quy định về ứng trước tiền bán chứng khoán; (Phần C) Thỏa thuận giao dịch điện tử; (Phần D) Quy định về tiểu khoản giao dịch ký quỹ; Phần (E) Quy định về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân. Với mỗi Khách hàng, Hợp đồng mở TKCK cùng với Bộ T&C này sẽ cấu thành thỏa thuận tổng thể giữa Khách hàng và VPBankS liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản chứng khoán.

PHẦN A: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Bộ T&C này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

1.1 **VPBANKS:** Là Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank (gồm cả sau khi được đổi tên hoặc doanh nghiệp tiếp tục tồn tại sau khi tổ chức lại và kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank theo Hợp đồng mở TKCK).

1.2 **Chứng khoán:** Là tài sản, bao gồm các loại cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền, chứng khoán phái sinh và các loại chứng khoán khác được quy định theo Luật Chứng khoán hiện hành. Chứng khoán có thể đã được niêm yết, hoặc đăng ký giao dịch hoặc chưa niêm yết (CKCNY) tại SGDCK.

1.3 **Khách hàng:** Là chủ tài khoản giao dịch chứng khoán có thông tin mặc định ghi trong phần thông tin khách hàng trên Hợp đồng mở TKCK.

1.4 **TKCK:** Là tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng với số ghi tại trang đầu của Hợp đồng mở TKCK và các tiểu khoản khác được VPBankS mở dưới tên Khách hàng gắn với tài khoản đó nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán được phép cho Khách hàng (trong đó có cả tiểu khoản giao dịch chứng khoán thường, tiểu khoản giao dịch trái phiếu, tiểu khoản giao dịch ký quỹ (nếu Khách hàng đề nghị mở)).

1.5 **Tài khoản lưu ký:** Là tài khoản dùng để lưu ký tập trung tại VSDC khi giao dịch.

1.6 **TKGDCK:** Là tiểu khoản giao dịch chứng khoán thường.

1.7 **TKGDKQ:** Là tiểu khoản được VPBankS mở cho Khách hàng khi Khách hàng đăng ký mở TKCK và sử dụng dịch vụ giao dịch Ký quỹ (hoặc đăng ký sau đó).

1.8 **TKGDTP:** Là tiểu khoản được VPBankS mở cho Khách hàng (bao gồm cả việc tự động đăng ký trên hệ thống của VSDC) khi Khách hàng đăng ký mở TKCK và sử dụng dịch vụ giao dịch trái phiếu (hoặc đăng ký sau đó).

1.9 **Lệnh:** Là lệnh (gồm cả lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển tiền, lệnh thanh toán và lệnh giao dịch thuộc loại khác), chỉ thị, chỉ dẫn, chỉ định, hoặc tương đương do Khách hàng lập/gửi/xác nhận liên quan đến TKCK theo quy định của Hợp đồng mở TKCK.

1.10 **VSDC:** Là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (hoặc tổ chức kế thừa và/hoặc thay thế thực hiện chức năng đăng ký, lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật).

1.11 **SGDCK:** Là Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (“HNX”) hoặc các sở giao dịch chứng khoán khác được phép thành lập hợp pháp tại Việt Nam, (hoặc tổ chức kế thừa) được phép tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.

1.12 **Ngày giao dịch:** Là ngày theo lịch (không bao gồm thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ khác theo quy định pháp

luật, kể cả nghỉ bù) mà vào ngày đó VSDC, SGDCK và ngân hàng thương mại tại Việt Nam mở cửa để hoạt động bình thường.

1.13 **Số điện thoại:** Là số điện thoại cố định, di động hoặc cả hai được ghi tại phần thông tin về Khách hàng trên Hợp đồng mở TKCK hoặc số khác được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VPBankS.

1.14 **Thư điện tử (email):** Là thư điện tử (email) được ghi tại phần thông tin về Khách hàng trên Hợp đồng mở TKCK hoặc thư điện tử khác được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VPBankS.

Các từ ngữ được sử dụng riêng cho một Phần của Bộ T&C sẽ được giải thích tại phần đó.

Điều 2. MỞ TÀI KHOẢN

2.1 Theo đề nghị của Khách hàng, VPBankS sẽ mở TKCK đứng tên Khách hàng. Đồng thời, VPBankS cũng sẽ mở tài khoản lưu ký chứng khoán cho Khách hàng.

2.2 Bảng Hợp đồng mở TKCK, Khách hàng đã đồng ý chọn phương thức quản lý tiền trong tài khoản chuyên dụng theo chính sách của VPBankS theo từng thời kỳ. Nhằm quản lý tiền của Khách hàng, VPBankS sẽ mở tiểu khoản dưới tên Khách hàng trong tài khoản chuyên dụng. Việc thay đổi phương thức quản lý tiền sẽ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định được VPBankS ban hành/áp dụng trong từng thời kỳ.

2.3 Nếu Khách hàng có đề nghị và đã đăng ký, VPBankS sẽ mở TKGDKQ cho Khách hàng. VPBankS cũng sẽ mở các tiểu khoản hỗ trợ giao dịch chứng khoán trên tài khoản đó phù hợp với nghiệp vụ/chính sách của VPBankS và quy định của pháp luật có liên quan.

2.4 Tại từng thời điểm trong thời hạn Hợp đồng mở TKCK, VPBankS cũng có thể chủ động mở tiểu khoản khác nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán được phép cho Khách hàng.

2.5 Các tiểu khoản này đều gắn với tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng.

Điều 3. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

3.1 VPBankS sẽ cung cấp cho Khách hàng các dịch vụ chứng khoán sau trên TKCK cho Khách hàng trong phạm vi pháp luật cho phép và trên cơ sở phù hợp với các giấy phép, chấp thuận mà VPBankS có được theo từng thời điểm:

- (a) Thực hiện giao dịch mua, bán và giao dịch khác đối với chứng khoán và tài sản tài chính được phép;
- (b) Tham gia vào việc thanh toán tiền và bù trừ chứng khoán do Khách hàng giao dịch theo quy định pháp luật;
- (c) Nhận tiền Khách hàng nộp/chuyển để giao dịch chứng khoán và cho các mục đích đầu tư và thanh toán được phép khác; nhận tiền của tổ chức/cá nhân khác chuyển hoặc thanh toán cho Khách hàng; quản lý nguồn tiền của Khách hàng và thực hiện lệnh/yêu cầu sử dụng tiền của Khách hàng (gồm cả thanh toán giao dịch chứng khoán, rút tiền, thanh toán cho giao dịch và mục đích khác và chuyển tiền đến tài khoản khác);
- (d) Quản lý chứng khoán và tài sản được phép khác của

Khách hàng;

(e) Hỗ trợ Khách hàng thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán;

(f) Các dịch vụ giao dịch khác gắn với từng loại tiểu khoản phù hợp với nghiệp vụ được phép của VPBankS;

(g) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật được VPBankS cung cấp trong từng thời kỳ và được công bố trên website của VPBankS.

3.2 Tại từng thời điểm trong thời hạn Hợp đồng mở TKCK, Khách hàng có thể đưa ra yêu cầu đăng ký thêm/sửa đổi/hủy tiện ích, dịch vụ liên quan đến TKCK và việc sử dụng dịch vụ của Khách hàng. Các yêu cầu này phải được lập thành văn bản theo quy định được VPBankS ban hành/áp dụng trong từng thời kỳ. VPBankS có quyền chấp thuận hoặc từ chối các yêu cầu này của Khách hàng mà không cần giải thích lý do tùy theo quy định và khả năng đáp ứng dịch vụ của VPBankS trong từng thời kỳ.

Điều 4. CÁCH THỨC NHẬN LỆNH

4.1 VPBankS nhận lệnh của Khách hàng bằng các cách thức sau:

(a) Nhận lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch (là địa điểm giao dịch được phép của VPBankS); và/hoặc

(b) Nhận lệnh qua điện thoại; và/hoặc

(c) Nhận lệnh qua Hệ thống giao dịch điện tử theo quy định tại Phần C “THỎA THUẬN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ” của Bộ T&C này.

4.2 VPBankS có thể nhận lệnh của Khách hàng qua cách thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo chính sách/quy tắc do VPBankS ban hành trong từng thời kỳ.

4.3 Trong trường hợp hợp đồng/thỏa thuận mà cả VPBankS và Khách hàng là một bên có chứa đựng lệnh thì bằng việc ký hợp đồng/thỏa thuận đó, Khách hàng được coi là lập và gửi lệnh cho VPBankS và VPBankS được coi là nhận lệnh của Khách hàng. Tương tự, nếu Khách hàng gửi văn bản có chứa lệnh đến VPBankS liên quan đến giao dịch của Khách hàng và bên thứ ba và VPBankS chấp thuận việc đó thì bằng việc gửi văn bản, Khách hàng được coi là lập và gửi lệnh cho VPBankS.

Điều 5. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ LỆNH

5.1 Khách hàng chỉ lập và gửi lệnh theo mẫu do VPBankS cung cấp hoặc đồng ý và theo phương thức áp dụng cho loại lệnh đó quy định trong Hợp đồng mở TKCK.

5.2 Lệnh của Khách hàng phải có đủ thông tin bắt buộc theo quy định của pháp luật và VPBankS.

5.3 Khách hàng là pháp nhân có trách nhiệm tuân thủ quy định nội bộ của mình khi lập và gửi lệnh (cả về nội dung và thủ tục). Khi nhận được lệnh của Khách hàng, VPBankS được mặc nhiên coi rằng Khách hàng đã tuân thủ quy định nội bộ của mình.

5.4 Nếu nhận được lệnh và tin tưởng trên tinh thần thiện chí lệnh đó là thật và được ký bởi chính Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền đã đăng ký với VPBankS) thì VPBankS có quyền thực hiện lệnh đó. Nếu VPBankS không thể xác minh được chữ ký trên lệnh của Khách hàng so với chữ ký mẫu của Khách hàng sau khi đã thực hiện mọi thủ tục xác minh hợp lý thì VPBankS có quyền không thực hiện lệnh. Nếu VPBankS có lý do hợp lý để nghi ngờ chữ ký trên lệnh không phải là chữ ký Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền đã đăng ký với VPBankS) thì VPBankS có quyền trì hoãn thực hiện lệnh cho đến khi đã thực hiện xong việc xác thực cần thiết.

5.5 Nếu nhận được lệnh của Khách hàng mà người ký lệnh không phải là người đại diện đã đăng ký với VPBankS thì VPBankS có quyền yêu cầu Khách hàng đăng ký người đại diện bổ sung trước khi thực hiện lệnh.

5.6 Nếu VPBankS nhận được hai hay nhiều lệnh từ Khách hàng (theo cùng phương thức hoặc theo phương thức khác nhau) có nội dung mâu thuẫn nhau thì VPBankS được từ chối thực hiện lệnh đến sau nếu đã thực hiện xong lệnh đến trước hoặc chỉ thực hiện được một phần nhưng việc thực hiện lệnh đến sau, theo đánh giá hợp lý của VPBankS, là không phù hợp, không thể thực hiện được hoặc sẽ gây hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho VPBankS hoặc việc hủy lệnh đến trước là không thể thực hiện được trên thực tế.

5.7 VPBankS chỉ thực hiện lệnh của Khách hàng sau khi Khách hàng đã đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật để lệnh có thể được thực hiện, kể cả có đủ tiền hoặc chứng khoán theo yêu cầu trên TKCK cho lệnh mua hoặc bán tương ứng.

5.8 VPBankS được từ chối thực hiện lệnh nếu lệnh đó được gửi đến khi đã quá khung thời gian thực hiện (xác định theo quy định của pháp luật hay quy chế của SGDC, VSDC hoặc VPBankS) hoặc sau thời điểm chốt sổ (cut-off time) (xác định theo chính sách được VPBankS áp dụng trong từng thời kỳ và được công bố trên website của VPBankS).

5.9 Việc lập, gửi và thực hiện lệnh của Khách hàng phải tuân thủ chính sách, quy định và quy chế do VPBankS áp dụng trong từng thời kỳ, và được công bố trên website của VPBankS.

Điều 6. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU LÔ LÊ

6.1 Giá chuyển nhượng CK Lô lẻ sẽ là mức giá do VPBankS quy định tại thời điểm KH đặt lệnh bán CK Lô lẻ và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

6.2 Phí dịch vụ: KH đồng ý trả cho VPBankS Phí dịch vụ theo Biểu phí dịch vụ của VPBankS quy định từng thời kỳ.

Điều 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của Bộ T&C và pháp luật, Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

Quyền:

7.1 Khách hàng có quyền sở hữu toàn bộ số tiền, chứng khoán và các khoản lợi nhuận, quyền và lợi ích hợp pháp khác gắn liền với số tiền, chứng khoán đó trên TKCK, được thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu theo quy định của pháp luật.

7.2 Khách hàng được hưởng mức lãi suất theo quy định của VPBankS công bố trong từng thời kỳ đối với số dư tiền có trên TKCK.

7.3 Phụ thuộc vào Điều 8.1 và 8.2 dưới đây, Khách hàng được rút/chuyển một phần hoặc toàn bộ tiền, chứng khoán ra khỏi TKCK khi không có nhu cầu giao dịch hoặc khi chấm dứt Hợp đồng mở TKCK với điều kiện tiền và chứng khoán đó không bị ràng buộc, hạn chế bởi các nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào với VPBankS/hoặc với bất kỳ bên thứ ba nào có liên quan hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

7.4 Khách hàng có quyền yêu cầu VPBankS xuất hóa đơn tài chính theo đúng quy định pháp luật. Khách hàng cần liên hệ với VPBankS trong giờ hành chính vào các ngày giao dịch tương ứng (nếu muốn cấp hóa đơn tài chính theo ngày) hoặc vào ngày giao dịch cuối cùng của tháng (nếu muốn cấp hóa đơn tài chính theo tháng). Nếu Khách hàng không yêu cầu cụ thể,

VPBankS sẽ gộp phí dịch vụ của Khách hàng vào tổng mức phí dịch vụ của VPBankS (của tất cả khách hàng phát sinh trong tháng) và/hoặc phần lãi vay của Khách hàng vào tổng mức lãi vay của VPBankS (của tất cả khách hàng phát sinh trong tháng) và xuất hóa đơn tài chính chung cho từng tháng giao dịch vào ngày giao dịch cuối cùng của tháng tương ứng.

Nghĩa Vụ:

7.5 Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về Khách hàng theo yêu cầu tại Hợp đồng mở TKCK, cam đoan và cam kết thông tin đã cung cấp là đúng sự thật và phải thông báo cho VPBankS khi phát sinh những thay đổi có liên quan. Khách hàng phải chịu mọi trách nhiệm, rủi ro hoặc thiệt hại liên quan đến việc thay đổi thông tin mà không thông báo cho VPBankS. Các thông tin của Khách hàng trên TKCK sẽ đồng nhất với các thông tin trên TKGDKQ, TKGDTT, các tiểu khoản khác mà VPBankS mở theo yêu cầu của Khách hàng. Khi các thông tin của TKCK có sự thay đổi đồng nghĩa với việc các thông tin tại các tiểu khoản khác cũng thay đổi tương ứng.

7.6 Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán các khoản phí tư vấn/đặt lệnh, các khoản phí khác theo quy định của VPBankS và có trách nhiệm nộp các loại thuế, phí liên quan theo quy định của pháp luật. Khách hàng mặc nhiên chấp thuận việc VPBankS tự động khấu trừ vào tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng các khoản thuế, phí dịch vụ trước hoặc ngay khi VPBankS cung cấp dịch vụ theo biểu phí của VPBankS và mặc nhiên chấp thuận mức phí dịch vụ khi sử dụng dịch vụ của VPBankS theo biểu phí do VPBankS ban hành từng thời kỳ

7.7 Nếu Khách hàng không thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh với VPBankS theo Hợp đồng mở TKCK và các thỏa thuận khác có liên quan, Khách hàng đương nhiên và tự nguyện chấp thuận để VPBankS có toàn quyền và tự động phong tỏa, xử lý các tài sản trên TKCK và các tài sản khác (nếu có) để khấu trừ/Thực hiện các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng mà không có bất kỳ khiếu kiện, yêu cầu và/hoặc phản đối nào đối với VPBankS.

7.8 Khách hàng tự chịu rủi ro đối với mọi quyết định sử dụng TKCK, tiền hay tài sản trên TKCK (Khách hàng hiểu rằng VPBankS không đưa ra bất kỳ cam kết hay bảo đảm nào (dù rõ ràng hay ngụ ý) về bảo toàn vốn đầu tư của Khách hàng hay khả năng sinh lợi của vốn đầu tư).

7.9 Khách hàng có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế/quy định của VSDC, SGDC và quy chế/quy định của VPBankS có liên quan trong việc mở và sử dụng TKCK, tiền và tài sản trên TKCK.

7.10 Khách hàng phải bảo đảm tính hợp pháp về số tiền và chứng khoán Khách hàng sở hữu.

7.11 Khách hàng có nghĩa vụ ký/xác nhận công nợ với VPBankS khi có yêu cầu từ bên thứ ba và/hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

7.12 Khách hàng có trách nhiệm công bố thông tin đối với các giao dịch mua bán chuyển nhượng trên TKCK của Khách hàng theo quy định pháp luật, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các trường hợp Khách hàng tự bán chứng khoán hoặc VPBankS thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố.

7.13 Khách hàng có nghĩa vụ thông báo tới VPBankS các giao dịch mà Khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật.

Điều 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VPBANKS

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của Bộ T&C và pháp luật, VPBankS có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

Quyền:

8.1 VPBankS được thu phí/giá dịch vụ từ Khách hàng theo mức phí/giá đã công bố cho Khách hàng. VPBankS có quyền thay đổi mức phí/giá dịch vụ theo từng thời kỳ. VPBankS sẽ thông báo công khai biểu phí/giá dịch vụ mới trên website của Công ty.

8.2 VPBankS được tạm khóa/phong tỏa một phần hoặc toàn bộ một hoặc một số TKCK:

- (a) Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; hoặc
- (b) Theo thỏa thuận giữa Khách hàng và VPBankS; hoặc
- (c) Theo yêu cầu của chính Khách hàng.

8.3 VPBankS được phép yêu cầu ngân hàng nơi Khách hàng mở tài khoản tiền giao dịch chứng khoán trích số dư tiền trên tài khoản tiền để thực hiện thanh toán các lệnh mua, thanh toán các khoản phí, thuế cho các lệnh mua/bán chứng khoán đã được thực hiện của Khách hàng.

8.4 VPBankS được ghi tăng/ghi giảm chứng khoán trên TKCK để thực hiện thanh toán theo lệnh mua/bán của Khách hàng đã được thực hiện.

8.5 VPBankS chỉ có trách nhiệm thực hiện các giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của Khách hàng và không chịu trách nhiệm về các quyết định giao dịch chứng khoán của Khách hàng.

8.6 VPBankS có quyền tạm ngừng/chấm dứt/từ chối việc mở TKCK, đăng ký sử dụng dịch vụ trên TKCK, đóng/đình chỉ hoạt động của TKCK hoặc hủy bỏ dịch vụ Khách hàng đã đăng ký phù hợp với quy định của Hợp đồng mở TKCK, quy định của VPBankS và của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

8.7 VPBankS có quyền khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào trên TKCK để thanh toán cho phần nghĩa vụ mà Khách hàng phải thực hiện với VPBankS, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc với bên thứ ba phối hợp cùng VPBankS để cung cấp dịch vụ cho Khách hàng.

8.8 VPBankS được cung cấp thông tin liên quan đến TKCK và thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của Khách hàng hoặc theo quy định của pháp luật tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

Nghĩa Vụ:

8.9 VPBankS phải quản lý tách bạch tiền gửi/tài sản của Khách hàng với tiền gửi/tài sản của Khách hàng khác và với tiền/tài sản của chính VPBankS.

8.10 VPBankS phải công bố mức phí/giá dịch vụ giao dịch chứng khoán trước khi Khách hàng thực hiện giao dịch.

8.11 VPBankS có nghĩa vụ cập nhật thông tin thay đổi của Khách hàng liên quan đến TKCK khi Khách hàng có yêu cầu.

8.12 VPBankS phải tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế hay quy định có liên quan trong việc cung ứng dịch vụ cho Khách hàng liên quan đến TKCK.

8.13 VPBankS không được sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không được phép của Khách hàng, trừ trường hợp pháp luật quy định hoặc các bên có thỏa thuận khác.

8.14 VPBankS có nghĩa vụ thông báo thông tin về chứng khoán, thông tin về thực hiện quyền phát sinh từ chứng khoán và

các thông báo khác trên website chính thức của VPBankS và/hoặc các phương thức khác do VPBankS lựa chọn phù hợp với quy định của pháp luật.

8.15 VPBankS có nghĩa vụ thông báo kết quả khớp lệnh cho Khách hàng.

Điều 9. THÔNG TIN LIÊN LẠC

9.1 Khách hàng có thể gửi thông tin, thông báo cho VPBankS bằng cách chuyển tận tay hoặc qua dịch vụ chuyên phát của bên thứ ba (kể cả bưu chính hay chuyên phát) đến trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch hay điểm giao dịch được phép khác của VPBankS theo địa chỉ tương ứng được công bố trên website của VPBankS trong từng thời kỳ.

9.2 VPBankS có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách chuyển tận tay hoặc qua dịch vụ chuyên phát đến địa chỉ ghi trên Hợp đồng mở TKCK hoặc địa chỉ khác đã được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VPBankS. VPBankS cũng có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện (có ghi âm) hoặc gửi tin nhắn (SMS) đến Số điện thoại và qua Thư điện tử.

9.3 Một thông tin/thông báo (nếu có) được xem là đã gửi thành công theo tối thiểu một trong các hình thức sau:

- (a) Nếu gọi điện, tại thời điểm cuộc gọi kết thúc thành công và được ghi âm;
- (b) Nếu gửi qua tin nhắn (SMS), khi người gửi nhận được thông báo của nhà cung cấp dịch vụ chuyển tin nhắn rằng tin nhắn đã được gửi (delivered) thành công;
- (c) Nếu gửi qua thư điện tử, khi thư điện tử có liên quan được gửi vào đúng địa chỉ thư điện tử người nhận và thư điện tử đã được lưu vào mục “Thư đi” (Sent) trong hộp thư của người gửi.
- (d) Nếu được gửi qua dịch vụ chuyển phát, hai ngày sau ngày VPBankS gửi đi theo biên lai ghi nhận của bên chuyển phát.

9.4 VPBankS và Khách hàng có thể gửi thông tin, thông báo cho nhau qua Hệ thống giao dịch điện tử. Cách thức gửi và thời điểm nhận được thông tin, thông báo sẽ theo quy định của Phần C “Thỏa Thuận Giao Dịch Điện Tử”.

Điều 10. SỬA ĐỔI

10.1 Hợp đồng mở TKCK (gồm cả Bộ T&C) có thể được sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản được ký giữa VPBankS và Khách hàng (theo cách thức truyền thống hoặc theo phương thức giao dịch điện tử).

10.2 Hợp đồng mở TKCK cũng có thể được sửa đổi theo một trong các cách thức sau:

- (a) Theo thông báo của VPBankS hoặc công bố trên website của VPBankS và Khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ có liên quan tại VPBankS; hoặc
- (b) Theo thông báo của VPBankS và Khách hàng gửi chấp thuận hoặc không gửi phản đối trong thời gian nêu trong thông báo đó.

Việc sửa đổi theo các cách trên có giá trị và hiệu lực như sửa đổi theo cách nêu tại Điều 10.1 trên đây.

Điều 11. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

11.1 VPBankS phải bồi thường cho Khách hàng đối với thiệt hại/tổn thất mà Khách hàng thực tế gánh chịu phát sinh trực tiếp từ việc VPBankS có hành vi vi phạm Hợp đồng mở TKCK một cách chủ ý hoặc lừa dối.

11.2 Khách hàng phải bồi thường và bồi hoàn cho VPBankS

(hoặc bên thứ ba do VPBankS chỉ định) đối với thiệt hại/tổn thất mà VPBankS (hoặc bên đó) thực tế gánh chịu phát sinh trực tiếp từ việc Khách hàng sử dụng TKCK và dịch vụ tại VPBankS hoặc Khách hàng vi phạm pháp luật, vi phạm Hợp đồng mở TKCK hoặc có hành vi lừa dối.

11.3 VPBankS được miễn trách nhiệm với Khách hàng nếu không thực hiện một hành động mà theo đánh giá của VPBankS, việc thực hiện hành động đó sẽ dẫn đến vi phạm pháp luật.

11.4 VPBankS không phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm pháp luật của Khách hàng. VPBankS cũng không phải chịu trách nhiệm do hành vi của bất kỳ bên thứ ba nào mà không phải là đại diện của VPBankS.

11.5 Khách hàng hiểu rằng mình phải tự quyết định đầu tư và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đó của mình (ý kiến của nhân viên tư vấn đầu tư và môi giới chứng khoán chỉ có ý nghĩa tham khảo).

11.6 Khi Khách hàng hoặc người được Khách hàng ủy quyền ký tên vào lệnh/xác nhận lệnh, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi yêu cầu VPBankS thực hiện lệnh.

11.7 Khách hàng mặc nhiên công nhận và chấp thuận kết quả giao dịch do VPBankS thực hiện theo lệnh của Khách hàng hoặc của người được Khách hàng ủy quyền theo cách thức đặt lệnh được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng mở TKCK. Nếu Khách hàng ủy quyền cho người khác giao dịch bằng các hình thức ủy quyền theo quy định của pháp luật thì các giao dịch được thực hiện bởi người được Khách hàng ủy quyền được coi là giao dịch của chính Khách hàng.

11.8 Khách hàng và người ủy quyền hợp pháp của Khách hàng có trách nhiệm theo dõi và tự mình kiểm tra tình trạng giao dịch, số dư tiền, số dư chứng khoán trên TKCK và chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường. Nếu có thắc mắc liên quan tới TKCK, giao dịch đã được thực hiện cũng như những dịch vụ do VPBankS cung cấp (kể cả sai sót, giao dịch trái thẩm quyền) thì Khách hàng phải gửi yêu cầu bằng văn bản tới VPBankS trong vòng 24h kể từ ngày phát sinh giao dịch hoặc từ ngày diễn ra sự thay đổi trên TKCK của Khách hàng. Sau thời hạn này, nếu Khách hàng không có bất kỳ phản đối nào, Khách hàng được xem là mặc nhiên xác nhận các giao dịch, số dư tiền và chứng khoán của Khách hàng trên TKCK. VPBankS không có trách nhiệm đối với các giao dịch nào được thực hiện trên TKCK ngoại trừ các giao dịch mà Khách hàng đã thực hiện theo đúng Hợp đồng mở TKCK và đã được xác minh là có sai sót, gian lận hoặc giao dịch trái thẩm quyền do lỗi của VPBankS.

11.9 Khách hàng cam đoan rằng nội dung và việc ký Hợp đồng mở TKCK đã được phê duyệt đầy đủ và hợp lệ bởi các cơ quan/cấp có thẩm quyền nội bộ của Khách hàng và người ký đại diện cho Khách hàng trên các hồ sơ giao dịch là người đại diện hợp pháp của Khách hàng.

11.10 Khách hàng có trách nhiệm thông báo cho VPBankS các thông tin về việc trở thành/không còn là cổ đông nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng và/hoặc thực hiện công bố thông tin theo quy định đối với các trường hợp cần thực hiện công bố thông tin trong quá trình giao dịch chứng khoán tại VPBankS.

11.11 Trong mọi trường hợp, Khách hàng cam đoan đã và sẽ tìm hiểu, nắm bắt và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và của VPBankS liên quan đến việc giao dịch chứng

khoản, sử dụng TKCK của Khách hàng và các quy định về phòng chống rửa tiền.

ĐIỀU 12. HIỆU LỰC; CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ

12.1 Hợp đồng mở TKCK có hiệu lực từ ngày ký.

12.2 Hợp đồng mở TKCK có thể bị chấm dứt theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên. Trong trường hợp này, quyền và nghĩa vụ của các bên khi Hợp đồng mở TKCK bị chấm dứt sẽ theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên.

12.3 VPBankS có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK trong các trường hợp sau:

(a) Khách hàng vi phạm pháp luật trong việc mở/sử dụng TKCK hoặc dịch vụ tại VPBankS mà theo đánh giá của VPBankS vi phạm đó gây hoặc có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến mình;

(b) VPBankS phải chấm dứt Hợp đồng mở TKCK theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền;

(c) Khách hàng vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng mở TKCK hoặc quy định của VPBankS trong quá trình sử dụng TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày từ ngày Khách hàng nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm đó từ VPBankS;

(d) Khách hàng có hành vi lừa dối, kể cả cung cấp sai thông tin cho thủ tục “nhận biết Khách hàng” hoặc mở tài khoản;

(e) VPBankS đề xuất sửa đổi Hợp đồng mở TKCK mà Khách hàng không đồng ý;

(f) VPBankS ngừng thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán;

(g) VPBankS ngừng kinh doanh chứng khoán; hoặc

(h) VPBankS thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp dẫn đến dừng hoạt động và tổ chức được hình thành từ việc tổ chức lại không kế thừa quyền và nghĩa vụ của VPBankS theo Hợp đồng mở TKCK.

VPBankS thực hiện quyền đơn phương này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Khách hàng. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 10 ngày từ ngày gửi thông báo.

12.4 Khách hàng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK nếu VPBankS vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng mở TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày từ ngày VPBankS nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm đó từ Khách hàng. Khách hàng thực hiện quyền đơn phương này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho VPBankS. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 10 ngày từ ngày gửi thông báo.

Khách hàng cũng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK vì bất kỳ lý do nào khác bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho VPBankS. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 30 ngày từ ngày gửi thông báo.

12.5 Cho dù Hợp đồng mở TKCK này chấm dứt trong bất kỳ tình huống nào trên đây, các bên sẽ cùng nhau tiến hành thủ tục thanh lý để cho phép:

(a) VPBankS chuyển giao tiền và tài sản còn trên TKCK (sau khi đã khấu trừ các loại thuế, phí và nghĩa vụ còn tồn đọng với VPBankS hoặc bên thứ ba (thông qua VPBankS));

(b) Khách hàng thanh toán đủ các khoản phí, chi phí và thuế còn tồn đọng (nếu có) liên quan đến TKCK; và

(c) VPBankS đóng TKCK.

12.6 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, việc chấm dứt Hợp đồng mở TKCK không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại Điều 13 vẫn tiếp tục áp dụng sau khi Hợp đồng mở TKCK chấm dứt.

ĐIỀU 13. BẢO MẬT & SỬ DỤNG THÔNG TIN

13.1 Mỗi bên có trách nhiệm bảo mật việc ký và nội dung Hợp đồng mở TKCK và chỉ được tiết lộ (i) khi được bên kia chấp thuận trước, (ii) nhằm tuân thủ pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc giải quyết tranh chấp hoặc (iii) nhằm phục vụ việc tuân thủ nội bộ và vận hành của VPBankS.

13.2 Khách hàng đồng ý và cho phép VPBankS lưu giữ và xử lý thông tin về Khách hàng (trong đó có thông tin về tài khoản, tài sản và giao dịch) mà VPBankS nhận được liên quan đến hoặc theo Hợp đồng mở TKCK, giao dịch giữa Khách hàng và VPBankS hay giao dịch giữa Khách hàng và bên thứ ba qua hệ thống/dịch vụ của VPBankS (gọi chung là “**thông tin**”). VPBankS sẽ lưu giữ thông tin ở chế độ bảo mật và chỉ tiết lộ trong phạm vi cho phép bởi Hợp đồng mở TKCK.

13.3 Khách hàng đồng ý và cho phép VPBankS sử dụng, lưu trữ, chia sẻ, gửi đi (kể cả ra bên ngoài địa điểm kinh doanh của VPBankS) và trao đổi thông tin với người khác mà VPBankS thấy cần thiết:

(a) Nhằm cung cấp dịch vụ cho Khách hàng (gồm cả cho VSDC, các SGDC, đối tác giao dịch của Khách hàng và bên thứ ba cung cấp dịch vụ/sản phẩm cho Khách hàng phụ trợ cho dịch vụ của VPBankS);

(b) Nhằm hỗ trợ hay tạo điều kiện cho Khách hàng sử dụng sản phẩm/dịch vụ của bên thứ ba qua VPBankS;

(c) Để tuân thủ pháp luật Việt Nam;

(d) Liên quan đến hoạt động hợp pháp của VPBankS nhằm tăng chất lượng dịch vụ/trải nghiệm cho Khách hàng nói chung (trong đó có hoạt động chấm điểm tín dụng (credit scoring), phân tích thị trường, nghiên cứu và phân tích nhu cầu Khách hàng và các mục đích vận hành và quản trị khác);

(e) Nhằm thực hiện nghĩa vụ của VPBankS với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (kể cả nhằm báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền); và

(f) Nhằm mục đích kiểm soát rủi ro.

Khi cung cấp thông tin cho bên thứ ba (ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật, VSDC, các SGDC hay cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), VPBankS sẽ nỗ lực để bảo đảm bên thứ ba cũng phải bảo mật thông tin.

13.4 Khách hàng đồng ý và cho phép VPBankS (trong phạm vi không bị pháp luật cấm) thuê bên thứ ba cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu và thực hiện giao dịch, dịch vụ báo cáo, lưu ký, giám sát, quản lý rủi ro và các dịch vụ khác được phép. Khách hàng đồng ý và cho phép VPBankS tiết lộ thông tin cho bên thứ ba đó trong phạm vi VPBankS cho là cần thiết trên cơ sở bên thứ ba cũng phải bảo mật thông tin.

ĐIỀU 14. LUẬT ĐIỀU CHỈNH

Hợp đồng mở TKCK được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 15. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng mở TKCK sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng. Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày từ ngày bắt đầu thương lượng, bất kỳ bên nào cũng có

quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.

PHẦN B: QUY ĐỊNH VỀ ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN

Điều 16. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Phần B này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

16.1 “**Lệnh bán**” là lệnh do Khách hàng lập và gửi cho VPBankS để bán chứng khoán.

16.2 “**Khớp lệnh**” là việc Lệnh Bán được đưa vào hệ thống giao dịch của SGDCK và đã được khớp thành công.

16.3 “**Tiền bán chứng khoán**” là số tiền Khách hàng sẽ được nhận từ việc bán chứng khoán theo Lệnh Bán có liên quan và đã được VPBankS xác nhận là giao dịch khớp lệnh thành công.

16.4 “**Phí ứng trước**” là khoản phí Khách hàng phải trả cho VPBankS do sử dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán theo biểu phí do VPBankS quy định trong từng thời kỳ.

16.5 “**Số tiền ứng trước**” là số tiền VPBankS chuyển vào TKCK trên cơ sở yêu cầu ứng trước của Khách hàng.

Điều 17. PHẠM VI ÁP DỤNG

Phần B này áp dụng cho việc ứng trước tiền bán chứng khoán trên toàn bộ TKCK (kể cả TKGDKK và TKGDKQ).

Điều 18. ĐIỀU KIỆN VÀ CÁCH THỨC THỰC HIỆN

18.1 Khi đăng ký mở TKCK, Khách hàng mặc định đồng ý sử dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của VPBankS. Trên cơ sở yêu cầu của Khách hàng (đã được lập phù hợp), VPBankS có quyền nhưng không có nghĩa vụ ứng trước tiền bán chứng khoán cho Khách hàng.

18.2 VPBankS có thể tự động ứng trước tiền bán chứng khoán trên TKCK nếu Khách hàng có nghĩa vụ tài chính đến hạn với VPBankS, kể cả nghĩa vụ phải thanh toán trên TKGDKQ.

18.3 Trong mọi trường hợp, Số tiền ứng trước không vượt quá Tiền bán chứng khoán trừ phí tư vấn/đặt lệnh, Phí ứng trước, thuế và phí khác theo quy định pháp luật (nếu có).

18.4 Bảng việc gửi yêu cầu ứng trước tiền bán chứng khoán và phụ thuộc vào việc được VPBankS ứng trước theo yêu cầu đó, Khách hàng chuyển giao và điều kiện cho VPBankS quyền nhận Tiền bán chứng khoán để bù trừ nghĩa vụ Khách hàng hoàn trả cho VPBankS toàn bộ Số tiền ứng trước và Phí ứng trước.

Điều 19. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

19.1 Khách hàng có quyền gửi yêu cầu ứng trước tiền bán chứng khoán khi đáp ứng điều kiện như đã nêu tại Điều 18.

19.2 Khách hàng đồng ý để VPBankS được tự động khấu trừ tiền từ TKCK để hoàn trả toàn bộ Số tiền ứng trước và Phí ứng trước. Khách hàng cam kết không đưa ra khiếu nại, khiếu kiện về việc VPBankS khấu trừ tiền từ TKCK như vậy.

19.3 Nếu kết quả khớp lệnh bị hủy thanh toán theo thông báo của VSDC vì bất kỳ lý do nào thì Khách hàng phải hoàn trả lại cho VPBankS toàn bộ Số tiền ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả theo quy định của VPBankS.

Điều 20. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VPBANKS

20.1 VPBankS được tự động khấu trừ TKCK để thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng liên quan đến việc ứng trước tiền bán chứng khoán mà không cần có lệnh hay chấp thuận của Khách hàng.

20.2 VPBankS được đơn phương ngưng cung cấp dịch vụ cho Khách hàng nếu VPBankS xét thấy việc cung cấp dịch vụ có thể gây rủi ro, tổn thất cho VPBankS hoặc việc cung cấp dịch vụ không phù hợp với chính sách, điều kiện hoạt động của VPBankS.

Điều 21. ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN TỰ ĐỘNG TKGDKK

21.1 Ứng trước tiền bán tự động là Dịch vụ cung cấp cho Khách hàng sử dụng TKGDKK (nếu Khách hàng có đăng ký). Khi lệnh bán khớp sẽ làm tăng ngay sức mua trong ngày cho Khách hàng. Cuối ngày hệ thống tự động ứng trước trên phần tiền Khách hàng đã sử dụng để thực hiện các giao dịch chứng khoán và/hoặc rút tiền và hoặc chuyển khoản tiền trong ngày.

21.2 Cách thức xác định giá trị ứng trước sẽ theo quy định của VPBankS tùy từng thời điểm.

Điều 22. QUY ĐỊNH KHÁC

Tùy từng thời kỳ, dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán có thể thực hiện qua nguồn của VPBankS hoặc bên thứ ba. Khách hàng đồng ý rằng nếu việc ứng trước thực hiện qua nguồn của bên thứ ba, ngoài việc tuân thủ Phần B này, Khách hàng cũng sẽ tuân thủ quy định của bên thứ ba đó về việc ứng trước tiền bán chứng khoán.

PHẦN C: THỎA THUẬN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

Điều 23. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Phần C này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

23.1 **Chấp thuận điện tử**: Là chấp thuận, phê duyệt, cho phép, đồng ý hoặc tương đương do Khách hàng lập và gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử, từ Số điện thoại hoặc từ Thư điện tử. Chấp thuận điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại (có ghi âm).

23.2 **Chữ ký số**: Là chữ ký số (hay còn gọi là chữ ký điện tử) theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

23.3 **Hệ thống giao dịch điện tử**: Là tập hợp các Ứng dụng thiết bị điện tử, Webtrade, Tổng đài giao dịch qua điện thoại và hệ thống khác được VPBankS sử dụng để cho phép Khách hàng truy cập vào TKCK và thực hiện các Thao tác/giao dịch trên hệ thống thông qua mạng Internet hoặc qua điện thoại.

23.4 **Mật khẩu**: Là tên truy cập (user), tên định danh (identification), mật khẩu dùng nhiều lần, mật khẩu dùng một lần (one-time password - OTP), khóa token (token key), mã xác thực (authentication code), mã PIN (personal identification number), đặc điểm sinh trắc học (vân tay, mống mắt hay khuôn mặt) và phương thức/thông điệp xác thực khác cấp cho Khách hàng hoặc Khách hàng tạo, chọn hay đăng ký sử dụng liên quan đến TKCK.

23.5 **Webtrade**: Là phần của trang thông tin điện tử của VPBankS mà Khách hàng có thể truy cập vào TKCK để thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên hệ thống.

23.6 **Hợp đồng điện tử**: Là hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, bản ghi nhớ, phụ lục hợp đồng hoặc tương đương thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử và được ký, ký kết và chuyển giao thông qua Hệ thống giao dịch điện tử (trừ Tổng đài

giao dịch qua điện thoại).

23.7 **Lệnh điện tử:** Là lệnh do Khách hàng lập gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử. Lệnh điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại (có ghi âm). Lệnh điện tử có thể được thể hiện qua một thao tác hoặc chuỗi thao tác trên Hệ thống giao dịch điện tử (ví dụ lệnh chuyển tiền có thể được thiết lập trên cơ sở thao tác chuyển tiền trên TKCK).

23.8 **Thao tác/giao dịch trên hệ thống** gồm:

- (a) Truy cập, xem và kiểm tra thông tin và các thao tác khác trên TKCK;
- (b) Gửi, nhận, xem và đọc Thông điệp dữ liệu;
- (c) Tạo lập và/hoặc gửi/xác nhận Lệnh điện tử;
- (d) Tạo lập và/hoặc gửi/xác nhận Chấp thuận điện tử;
- (e) Các thao tác khác có trên Hệ thống giao dịch điện tử.

23.9 **Thông điệp dữ liệu:** Là thông tin liên lạc, thông báo, báo cáo danh mục, báo cáo đầu tư, báo cáo phân tích, báo cáo thuộc loại khác, sao kê tài khoản, sao kê giao dịch, bản công bố thông tin, bản cáo bạch, tuyên bố và thông điệp thuộc loại khác dưới dạng thông điệp dữ liệu (điện tử) được gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử, qua điện thoại hoặc tin nhắn (SMS) đến Số điện thoại và/hoặc qua Thư điện tử.

23.10 **Tổng đài giao dịch qua điện thoại:** Là hệ thống tổng đài điện thoại có chức năng ghi âm, quản lý, tra cứu cuộc gọi và có dự phòng của VPBankS.

23.11 **Ứng dụng thiết bị điện tử:** Là ứng dụng (application), phần mềm (software) do VPBankS hoặc đối tác của VPBankS sở hữu hoặc được cấp quyền sử dụng và phát hành trên website của VPBankS, Google Play Store, App Store hoặc kho ứng dụng/phần mềm khác để Khách hàng tải về và cài đặt trên điện thoại, máy tính (computer) hay thiết bị điện tử khác nhằm truy cập vào TKCK và thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên hệ thống thông qua mạng Internet.

Điều 24. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

Phần C này điều chỉnh việc Khách hàng sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử để (i) nhận, đọc và gửi Thông điệp dữ liệu; (ii) đưa ra và gửi Lệnh điện tử; (iii) đưa ra và gửi Chấp thuận điện tử; và (iv) thực hiện các Thao tác/giao dịch trên hệ thống khác. Phần C này cũng điều chỉnh việc sử dụng Số điện thoại và Thư điện tử cho một số mục đích nhất định.

Điều 25. QUAN HỆ VỚI THỎA THUẬN KHÁC

Phần C này bổ sung cho các hợp đồng, thỏa thuận khác giữa VPBankS và Khách hàng trong phạm vi liên quan đến đối tượng điều chỉnh của Phần C này. Nếu có sự không thống nhất giữa Phần C này và bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận nào liên quan đến đối tượng điều chỉnh của Phần C này thì Phần C này sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 26. HỆ THỐNG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

26.1 Ứng dụng thiết bị điện tử, Hệ Thống Website, Tổng đài giao dịch qua điện thoại hay hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử sẽ là ứng dụng, phần mềm hay hệ thống được VPBankS công bố công khai trên trang thông tin điện tử của mình hoặc theo cách khác trong từng thời kỳ hoặc được ghi trên Hợp đồng mở TKCK.

26.2 Khi tải và cài đặt Ứng dụng thiết bị điện tử, Website hay sử dụng hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử và thực hiện việc truy cập vào TKCK, Khách hàng mặc nhiên chấp nhận việc sử dụng ứng dụng, phần mềm hay hệ thống đó như là

một phần của Hệ thống giao dịch điện tử cho các mục đích được quy định trong Phần C này.

26.3 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác trong phần khác của Hợp đồng mở TKCK, bằng Phần C này, Khách hàng đồng ý sử dụng Tổng đài giao dịch qua điện thoại để đặt/gửi một số Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử và thực hiện một số Thao tác/giao dịch trên hệ thống giới hạn khác liên quan đến TKCK. Trừ trường hợp được VPBankS đồng ý khác đi, mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng qua Tổng đài giao dịch qua điện thoại phải được thực hiện từ Số điện thoại.

26.4 Khi Khách hàng lựa chọn bất kỳ phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử, Khách hàng được coi là đã thể hiện ý chí của mình theo nội dung hiển thị trên phím/nút đó và chấp nhận sự ràng buộc bởi lựa chọn đó. Ví dụ, phím “Đồng ý” (hay “Agree”), “Ký” (hay “Sign”) hoặc “Xác nhận” (hay “Confirm”). Khách hàng cũng bị ràng buộc bởi bất kỳ thao tác nào khác mà Khách hàng thực hiện trên Hệ thống giao dịch điện tử, kể cả đặt/gửi Lệnh điện tử bằng cách gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại.

Điều 27. NHẬN VÀ GỬI THÔNG TIN

27.1. Nhận Thông Tin

(a) Mọi Thông điệp dữ liệu từ VPBankS hoặc từ tổ chức/cá nhân khác thông qua VPBankS sẽ được coi là gửi hợp lệ cho Khách hàng nếu được gửi theo một trong các phương thức sau:

(i) Gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử đến địa chỉ là tên truy cập TKCK (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là thời điểm ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử); hoặc

(ii) Gửi đến Thư điện tử (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là khi thư có liên quan được gửi vào đúng địa chỉ Thư điện tử và thư gửi đã được lưu vào mục “Thư đi” (Sent) trong hộp thư của người gửi và trong vòng 24h kể từ thời điểm thư đó được lưu, người gửi không nhận được thông báo tự động nào về việc thư đó không được gửi thành công).

(b) Mật khẩu mà VPBankS cấp cho Khách hàng để thực hiện Thao tác/giao dịch trên hệ thống cũng có thể được gửi cho Khách hàng theo một trong các phương thức trên.

(c) VPBankS cũng có thể gửi thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện đến Số điện thoại và có ghi âm. Thời điểm Khách hàng nhận được thông báo là khi cuộc gọi kết thúc. Nếu thông báo đã được truyền tải bằng cách gọi điện phải được lập bằng văn bản (theo thỏa thuận hoặc theo yêu cầu của pháp luật) thì sau khi gọi điện, VPBankS phải gửi Thông điệp dữ liệu chứa thông báo đó theo một trong các phương thức trên đây để Khách hàng lưu giữ.

27.2. Xem Và Đọc Thông Tin

Khách hàng có thể xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử thay cho việc VPBankS cung cấp tài liệu in trực tiếp để Khách hàng xem và đọc. Việc Khách hàng xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử như vậy có giá trị pháp lý như việc VPBankS cung cấp tài liệu in trực tiếp cho Khách hàng (trừ khi có sai sót trong nội dung hiển thị do lỗi kỹ thuật).

27.3. Gửi Thông Tin

Khách hàng có thể gửi Thông điệp dữ liệu cho VPBankS hay cho tổ chức/cá nhân khác thông qua VPBankS qua Hệ thống giao dịch điện tử (trừ Tổng đài giao dịch qua điện thoại). Thời điểm Khách hàng gửi đi là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử.

27.4. Giá Trị Của Thông Tin

- (a) Thông tin trong Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu;
- (b) Trường hợp pháp luật hay hợp đồng/thỏa thuận của các bên yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì Thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này;
- (c) Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc; và
- (d) Thông điệp dữ liệu có giá trị làm chứng cứ và giá trị này không thể bị phủ nhận chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu.

Điều 28. GIAO KẾT HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ; ĐẶT LỆNH VÀ GỬI CHẤP THUẬN ĐIỆN TỬ

28.1 Hợp đồng điện tử có thể được ký kết trên Hệ thống giao dịch điện tử theo các thao tác ghi trên đó. Việc ký kết Hợp đồng điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử phải được xác thực theo quy định tại Điều 29.

28.2 Hợp đồng điện tử có thể được ký bằng Chữ ký số của một bên và Hợp đồng điện tử đã ký bằng Chữ ký số được coi là được chuyển giao hợp lệ nếu được gửi theo một trong các phương thức quy định tại Điều 27

28.3 Việc ký kết Hợp đồng điện tử có thể theo một trong các hình thức sau:

- (a) Ký kết toàn văn: Toàn văn Hợp đồng điện tử được hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử và mỗi bên ký bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử;
- (b) Ký chấp nhận: Một bên gửi đề nghị giao kết hợp đồng và bên kia ký chấp nhận giao kết hợp đồng cũng bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử hoặc bằng việc không phản đối đề nghị giao kết trong thời hạn nêu tại đề nghị giao kết; hoặc
- (c) Hình thức khác được các bên thỏa thuận hoặc có sẵn trên Hệ thống giao dịch điện tử.

28.4 Thời điểm một bên ký kết Hợp đồng điện tử sẽ là thời điểm ghi nhận trên Hệ thống giao dịch điện tử hoặc hệ thống khác của VPBankS.

Hợp đồng điện tử được ký kết theo Điều này có giá trị pháp lý đầy đủ và ràng buộc các bên ký kết như một hợp đồng, thỏa thuận được ký kết theo phương thức ký trực tiếp truyền thống. Giá trị pháp lý của Hợp đồng điện tử không thể bị phủ nhận chỉ vì hợp đồng đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.

28.5 Khách hàng có thể đặt Lệnh điện tử và gửi Chấp thuận điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử. Thời điểm Khách hàng đặt Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử.

28.6 Khách hàng có thể đặt/gửi Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử bằng cách gọi từ Số điện thoại đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại. Mọi cuộc gọi của Khách hàng đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại sẽ được ghi âm lưu trữ đầy đủ, đảm bảo an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu. Nếu có yêu cầu của VPBankS hay pháp luật, sau khi gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại, Khách hàng phải gửi lệnh, văn bản chấp thuận được ký bằng tay hoặc Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử được đặt/gửi theo phương thức khác chứa đựng Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử được đặt hay đưa ra trong cuộc gọi.

28.7 Nếu Khách hàng đăng ký và được VPBankS chấp thuận (hoặc các bên có thỏa thuận), Khách hàng có thể đặt/gửi Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử từ Thư điện tử.

28.8 VPBankS chỉ phải thực hiện Lệnh điện tử được gửi hợp lệ từ Khách hàng sau khi thực hiện giải pháp xác thực quy định tại Điều 29 dưới đây.

28.9 Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử chỉ có giá trị nếu có đủ thông tin cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và VPBankS.

28.10 Khách hàng đồng ý rằng việc gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử có thể cấu thành giao kết Hợp đồng điện tử với VPBankS hay đối tác có liên quan.

28.11 Khách hàng đồng ý rõ ràng rằng khi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt, gửi và chuyển cho VPBankS phù hợp với các nội dung sau:

- (a) Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó có giá trị pháp lý và ràng buộc đầy đủ đối với Khách hàng;
- (b) VPBankS được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (Khách hàng ủy quyền cho VPBankS toàn quyền thực hiện toàn bộ các giao dịch cần thiết, lập, ký thay các hợp đồng, thỏa thuận, phiếu lệnh hoặc các hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác có liên quan trên TKCK của Khách hàng nhằm hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử nêu trên; VPBankS sẽ hoàn thành việc lập, ký thay các hồ sơ, chứng từ có liên quan nêu trên trong vòng 03 (ba) ngày giao dịch từ ngày Khách hàng đặt Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử);
- (c) Nếu VPBankS nhận được bất kỳ phiếu lệnh hay văn bản nào từ Khách hàng theo phương thức khác (ví dụ nộp trực tiếp) mà có nội dung khác với Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đã được gửi trước đó thì VPBankS vẫn được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử trừ khi VPBankS và Khách hàng đã thống nhất được việc hủy Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó; và
- (d) VPBankS không phải chịu trách nhiệm với Khách hàng về bất kỳ hành động hay không hành động nào mà VPBankS thực hiện theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (kể cả hành động chuyển tiền, bán chứng khoán mà VPBankS tiến hành dựa trên Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó).

Điều 29. QUY ĐỊNH VỀ XÁC THỰC

29.1 Đối với việc giao kết Hợp đồng điện tử hay chấp nhận Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử, VPBankS sẽ áp dụng giải pháp xác thực có độ an toàn tối thiểu tương đương giải pháp xác thực hai yếu tố trở lên.

29.2 Khách hàng phải lựa chọn giải pháp xác thực do VPBankS cung cấp khi mở TKCK có liên quan và đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến/điện tử và được đăng ký lại giải pháp xác thực khi có nhu cầu. Nếu Khách hàng không đăng ký thì VPBankS được ấn định giải pháp xác thực áp dụng cho Khách hàng.

29.3 Hợp đồng điện tử/Lệnh điện tử chỉ được coi là giao kết bởi Khách hàng một khi được Khách hàng ký kết phù hợp với Điều 27 và Điều 28 và tất cả thông tin do Khách hàng cung cấp theo giải pháp xác thực nêu trên đã được so khớp với thông tin Khách hàng đã đăng ký và lưu trong Hệ thống giao dịch điện tử hoặc thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống giao dịch điện tử (áp dụng đối với thông tin xác thực là thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống giao dịch điện tử và gửi cho Khách hàng như mật khẩu sử dụng một lần (OTP) hay mã xác nhận (authentication code)).

29.4 Trừ trường hợp pháp luật có yêu cầu rõ ràng, việc xác thực không áp dụng đối với Chấp thuận điện tử hay Thông điệp dữ liệu.

Điều 30. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

30.1 Quyền Và Nghĩa Vụ Của VPBankS

- (a) VPBankS có trách nhiệm xây dựng Hệ thống giao dịch điện tử đáp ứng được yêu cầu của pháp luật để thực hiện giao dịch điện tử, giao dịch chứng khoán trực tuyến.
- (b) VPBankS phải lưu trữ thông tin, dữ liệu, văn bản, tài liệu liên quan đến Khách hàng (kể cả Thông điệp dữ liệu, Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử) theo đúng yêu cầu của pháp luật.
- (c) VPBankS có trách nhiệm bảo mật các thông tin giao dịch trực tuyến của Khách hàng và chi tiết lộ các thông tin theo thỏa thuận giữa Khách hàng với VPBankS, theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- (d) VPBankS có toàn quyền bổ sung, xóa bớt tính năng, điều chỉnh giao diện, thay đổi cấu trúc hoặc thực hiện bất kỳ điều chỉnh/thay đổi nào khác đối với Hệ thống giao dịch điện tử mà không cần thông báo cho Khách hàng (trừ trường hợp pháp luật yêu cầu phải thông báo) (trong trường hợp này, bằng việc tiếp tục sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử đã được điều chỉnh/thay đổi như vậy, Khách hàng được coi là chấp nhận toàn bộ thay đổi/điều chỉnh đó).
- (e) VPBankS được thu phí cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử theo mức phí công khai trên trang thông tin điện tử của mình.
- (f) VPBankS không chịu trách nhiệm đối với Khách hàng về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống giao dịch điện tử mà:
- Phát sinh do xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - Phát sinh do Khách hàng làm lộ Mật Khẩu hoặc thông tin truy cập TKCK; hoặc
 - Phát sinh không do lỗi của VPBankS đối với Phần C này hoặc pháp luật.
- (g) VPBankS cũng được miễn trách nhiệm đối với Khách hàng đối với bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống giao dịch điện tử do Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng bị sai sót, bị gián đoạn, bị cản trở hoặc bị chậm trễ do:
- Hệ thống xử lý, hệ thống đường truyền của VPBankS gặp trục trặc hay sự cố kỹ thuật;
 - Hệ thống thông tin liên lạc, đặt lệnh, chỉ thị và thực hiện lệnh, chỉ thị giữa Khách hàng và VPBankS bị lỗi, bị gián đoạn hoặc bị tạm dừng hoạt động;
 - Hệ thống thông tin liên lạc, đặt lệnh, chỉ thị và thực hiện lệnh, chỉ thị giữa VPBankS và bất kỳ bên thứ ba nào (kể cả SGDC hay VSDC) bị lỗi, bị gián đoạn hoặc bị tạm dừng hoạt động;
 - VPBankS phải thực hiện thêm việc xác thực/kiểm tra khi có bằng chứng hoặc lý do khác để nghi ngờ Thao tác/giao dịch trên hệ thống đó không do chính Khách hàng thực hiện;
 - Việc xác thực không thành công; hoặc
 - Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- (h) VPBankS có quyền gửi tin nhắn hoặc gọi điện đến Số điện thoại hoặc gửi thư đến Thư điện tử.
- (i) VPBankS không đưa ra bất kỳ cam đoan hay cam kết nào về (i) sự chính xác, đầy đủ hay kịp thời của Hệ thống giao dịch điện tử hoặc (ii) khả năng không bị gián đoạn hay mắc lỗi của Hệ thống giao dịch điện tử.

- (j) VPBankS có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Phần C này, các hợp đồng/ thỏa thuận khác ký với Khách hàng và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

30.2 Quyền Và Nghĩa Vụ Của Khách hàng:

- (a) Khách hàng được cấp quyền sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử sau khi đã cài đặt và chấp thuận các điều khoản và điều kiện áp dụng cho ứng dụng, phần mềm hay hệ thống tương ứng (quyền sử dụng của Khách hàng là không độc quyền, không được chuyển giao và có thể bị rút lại theo toàn quyền quyết định của VPBankS).
- (b) Khách hàng có trách nhiệm quản lý, theo dõi, kiểm soát và sử dụng TKCK và bảo đảm sự chính xác của Thông điệp dữ liệu, Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử.
- (c) Khách hàng không được sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử để thực hiện giao dịch trái pháp luật.
- (d) Khách hàng phải sử dụng thiết bị điện tử có hệ điều hành tương thích để cài đặt và sử dụng Ứng dụng thiết bị điện tử; Khách hàng có trách nhiệm cài đặt các phần mềm chống virus có uy tín trên các thiết bị điện tử này.
- (e) Khách hàng không được phát tán virus, sử dụng hay phát tán phần mềm độc hại hay thực hiện bất kỳ hành vi nào phá hoại Hệ thống giao dịch điện tử.
- (f) Khách hàng phải tự ghi nhớ và chịu trách nhiệm lưu giữ và bảo mật thông tin TKCK và tất cả Mật Khẩu cho riêng mình; Khách hàng không được chia sẻ thông tin TKCK hay Mật Khẩu với bất kỳ ai khác nếu không được VPBankS chấp thuận rõ ràng bằng văn bản.
- (g) Khách hàng tự chịu trách nhiệm đối với mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống được thực hiện đối với TKCK (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ Thao tác/giao dịch trên hệ thống nào được thực hiện đối với TKCK đều mặc nhiên được hiểu là được chính Khách hàng thực hiện trừ trường hợp Khách hàng đã thông báo và VPBankS xác nhận đã nhận được thông báo của Khách hàng về việc mất Mật Khẩu hoặc thiết bị điện tử có cài đặt Hệ thống giao dịch điện tử).
- (h) Khách hàng cũng tự chịu trách nhiệm đối với mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện thoại hay Thư điện tử (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện thoại hay Thư điện tử đều mặc nhiên được hiểu là do chính Khách hàng đặt và gửi đi trừ trường hợp Khách hàng đã thông báo và VPBankS xác nhận đã nhận được thông báo của Khách hàng về việc mất điện thoại hay sim gắn với Số điện thoại hoặc thiết bị điện tử có cài sẵn phần mềm hay ứng dụng để gửi Thư điện tử).
- (i) Khách hàng phải thông báo cho VPBankS ngay sau khi (i) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử cài đặt Ứng dụng thiết bị điện tử hay hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) bị mất hoặc bị đánh cắp điện thoại hay sim gắn với Số điện thoại hoặc (iii) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử có cài sẵn phần mềm hay ứng dụng để gửi và/hoặc nhận Thư điện tử từ và/hoặc đến Thư điện tử.
- (j) Khách hàng phải thông báo ngay cho VPBankS khi gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử mà không được xác thực theo quy định tại Điều 29.
- (k) Khách hàng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại

cho VPBankS theo quy định của pháp luật phát sinh từ:

- (i) Hành vi lừa dối của Khách hàng;
- (ii) Hành vi vi phạm Phần C này của Khách hàng;
- (iii) Hành vi sử dụng sai mục đích Hệ thống giao dịch điện tử; hoặc.
- (iv) Hành vi sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử cho các giao dịch hay hoạt động trái pháp luật.
 - (1) Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Phần C này, các hợp đồng/thỏa thuận khác ký với VPBankS và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 31. CÔNG BỐ RỦI RO

Khách hàng đồng ý rằng việc sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử, Số điện thoại và Thư điện tử luôn gắn với rủi ro và Khách hàng tự nguyện chấp nhận các rủi ro đó. Dưới đây là một số rủi ro (Khách hàng đồng ý rằng danh sách này không phải là danh sách đầy đủ các rủi ro ảnh hưởng đến việc sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử, Số điện thoại và Thư điện tử):

31.1 Rủi Ro Tác Nghiẽn/Gián Đoạn Hệ Thống Mạng: Rủi ro này thể hiện thông qua việc nghẽn đường truyền, đứt đường truyền hay quá tải đường truyền. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử hoặc (ii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.

31.2 Rủi Ro Hệ Thống Bị Tấn Công Trái Phép: Rủi ro này thể hiện thông qua việc thiết bị điện tử của Khách hàng cài đặt Hệ thống giao dịch điện tử, mạng nội bộ của VPBankS hoặc mạng kết nối giữa VPBankS và các bên thứ ba có liên quan bị nhiễm virus, bị xâm nhập, can thiệp trái phép, bị chiếm quyền điều khiển hay bị tấn công. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) thông tin TKCK bị lộ, bị đánh cắp, bị xóa hoặc bị chỉnh sửa; (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị thực hiện bởi người khác và/hoặc (iv) Thao tác/giao dịch trên hệ thống do Khách hàng thực hiện bị chỉnh sửa, bị làm sai lệch, bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.

31.3 Rủi Ro Từ Lỗi Ứng Dụng/Phần Mềm: Rủi ro này tồn tại ở dạng có lỗi xây dựng, thiết kế phần mềm dùng để chạy Hệ thống giao dịch điện tử hoặc mạng nội bộ của VPBankS hoặc mạng kết nối giữa VPBankS và các bên thứ ba có liên quan. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử, (ii) thông tin TKCK không hiển thị đầy đủ hoặc sai lệch và/hoặc (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.

31.4 Rủi Ro Con Người: Rủi ro này phát sinh từ việc có sự can thiệp trái phép của nhân viên VPBankS đối với thông tin TKCK hoặc truy cập trái phép TKCK. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) thông tin TKCK bị lộ, không hiển thị đầy đủ hoặc bị chỉnh sửa và/hoặc (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị thực hiện bởi người khác không phải Khách hàng.

PHẦN D: QUY ĐỊNH VỀ GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Điều 32. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Phần D này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

32.1 Giao dịch ký quỹ (GDKQ): Là giao dịch Khách hàng mua chứng khoán bằng một phần vốn tự có của Khách hàng và

một phần vốn VPBankS cho vay theo cách thức quy định tại Phần D này.

32.2 Chứng Khoán Ký Quỹ là các chứng khoán đáp ứng đủ các điều kiện của pháp luật liên quan để được phép giao dịch ký quỹ và thuộc danh mục chứng khoán được giao dịch ký quỹ do VPBankS quy định trong từng thời kỳ.

32.3 Danh sách chứng khoán được phép GDKQ: Là danh sách các mã chứng khoán được VPBankS công bố từng thời kỳ.

32.4 Giá Căn Cứ là mức giá của từng mã chứng khoán làm căn cứ để xác định giá trị tài sản bảo đảm trong TKGDKQ của Khách hàng, và được xác định theo nguyên tắc sau (nhưng không vượt quá mức giá tối đa để tính cho vay của từng mã chứng khoán theo quy định của VPBankS trong từng thời kỳ):

- a) Trong phiên giao dịch là giá tham chiếu của chứng khoán tại ngày giao dịch đó;
- b) Ngoài phiên giao dịch là giá đóng cửa đối với chứng khoán niêm yết tại HOSE hoặc HNX tại ngày giao dịch gần nhất, theo quy ước của VPBankS trong từng thời kỳ.

32.5 Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm Quy Đổi (TSĐB) là giá trị toàn bộ chứng khoán, các quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán có trong TKGDKQ và các tài sản bảo đảm phù hợp khác của Khách hàng mà được dùng làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ với VPBankS, được tính toán theo công thức quy định tại Điều 36.3 của Bộ T&C này.

32.6 Hạn Mức cho vay GDKQ là hạn mức cho vay tối đa đối với từng Khách hàng do VPBankS quy định, và được áp dụng đối với mỗi Khách hàng khác nhau. Hạn mức cho vay GDKQ không cao hơn hạn mức cho vay mà pháp luật cho phép và VPBankS có quyền điều chỉnh trong từng thời kỳ.

32.7 Khoản Vay là mỗi khoản tiền mà VPBankS cho Khách hàng vay theo đề nghị của Khách hàng theo Hợp đồng mở TKCK và Bộ T&C này. Khoản Vay bao gồm tất cả các Khoản Vay của Khách hàng tại mọi thời điểm.

32.8 Tổng Dư Nợ Vay là tổng dư nợ (gồm nợ gốc Các Khoản Vay chưa thanh toán, lãi, phí giao dịch, phí tư vấn/đặt lệnh, bất kỳ khoản phí phát sinh nào liên quan đến các Khoản Vay) mà Khách Hàng đã vay của VPBankS theo Hợp đồng mở TKCK.

32.9 Tỷ Lệ Cho Vay là tỷ lệ phần trăm (%) tối đa giữa giá trị Khoản Vay mà VPBankS có thể cho vay và giá trị giao dịch dự kiến (theo giá thị trường hoặc giá tối đa để tính cho vay theo quy định của VPBankS) của mỗi lệnh mua Chứng Khoán Ký Quỹ của Khách Hàng. Tỷ Lệ Cho Vay đối với từng mã chứng khoán do VPBankS quy định và công bố từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.

32.10 Tỷ lệ ký quỹ ban đầu được xác định bằng 01 (một) trừ đi tỷ lệ cho vay.

32.11 Tỷ Lệ Ký Quỹ (Rtt) là tỷ lệ phần trăm (%) giữa Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm Quy Đổi và Tổng Dư Nợ Vay của Khách Hàng sau khi trừ đi tiền mặt có trong TKGDKQ và trừ đi tiền bán chứng khoán đang về TKGDKQ. Tỷ Lệ Ký Quỹ được tính theo công thức nêu tại Điều 36.5 của Bộ T&C này.

32.12 Tỷ Lệ Ký Quỹ An Toàn (Rat) là Tỷ Lệ Ký Quỹ trên TKGDKQ mà Khách hàng phải đảm bảo để có thể được phép thực hiện các giao dịch ký quỹ theo quy định của VPBankS.

32.13 Tỷ Lệ Ký Quỹ Duy Trì (Rdt) là Tỷ Lệ Ký Quỹ tối thiểu mà Khách hàng phải đảm bảo duy trì trên TKGDKQ của mình tại mọi thời điểm.

32.14 Tỷ lệ ký quỹ xử lý: Là tỷ lệ bán xử lý giải chấp TKGDKQ. Tỷ lệ này do VPBankS quy định và có thể thay đổi theo chính sách của VPBankS ban hành trong từng thời kỳ. Khi

Tỷ lệ ký quỹ hiện tại trên TKGDQ của Khách hàng nhỏ hơn tỷ lệ này thì VPBankS được toàn quyền thực hiện ngay các biện pháp xử lý cần thiết theo quy định của Phần D này.

32.15 Tỷ lệ thoát Call: Là tỷ lệ mà VPBankS dùng làm căn cứ xác định giá trị tiền/chứng khoán bổ sung khi Tỷ lệ ký quỹ trên tài khoản Khách hàng xuống dưới mức Tỷ lệ ký quỹ duy trì. Mức Tỷ lệ thoát Call do VPBankS quy định từng thời kỳ.

32.16 Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung: Là thông báo của VPBankS gửi cho Khách hàng để yêu cầu Khách hàng nộp thêm tiền và/hoặc bổ sung thêm tài sản đầu tư, tài sản thế chấp và/hoặc bán bớt chứng khoán đầu tư để bảo đảm Tỷ lệ ký quỹ hiện tại không thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì.

32.17 Sức mua Là số tiền mà Khách hàng được phép mua chứng khoán trong phiên giao dịch do VPBankS tính toán và xác định.

32.18 Ngày giải ngân: Là ngày VPBankS chuyển tiền vay vào TKGDQ.

32.19 Số ngày vay thực tế: Là số ngày được tính từ ngày giải ngân đến ngày Khách hàng trả nợ cho VPBankS.

32.20 Số ngày quá hạn: Là số ngày vượt quá thời hạn cho vay mà khách hàng không thanh toán đúng hạn hoặc khách hàng vi phạm hợp đồng.

Điều 33. ĐIỀU KIỆN VAY ĐỂ GIAO DỊCH KÝ QUỸ

33.1 Khách hàng được thực hiện giao dịch ký quỹ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

(a) Khi mở TKGDQ, Khách hàng phải nộp vào TKGDQ một khoản tiền ký quỹ (hoặc tương đương bằng Chứng Khoán Ký Quỹ) theo mức do VPBankS quy định trong từng thời kỳ.

(b) Khách hàng đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về GQKQ, đáp ứng các quy định về TSĐB, Giá trị tài sản ròng tối thiểu trên TKGDQ, Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của VPBankS. VPBankS có thể thay đổi các quy định này trong từng thời kỳ/thời điểm

(c) Khi đặt lệnh mua Chứng Khoán Ký Quỹ, Khách hàng phải đảm bảo (i) Tổng Dư Nợ Vay trong TKGDQ không vượt quá Hạn Mức cho vay GDKQ và (ii) Tỷ Lệ Ký Quỹ không thấp hơn Tỷ Lệ Ký Quỹ An Toàn, và (iii) Chứng khoán mà Khách hàng đặt lệnh mua nằm trong Danh sách chứng khoán được phép GDKQ do VPBankS công bố trong từng thời kỳ.

(d) Khách hàng có khả năng tài chính bảo đảm trả toàn bộ nợ vay cho VPBankS đầy đủ, đúng hạn và trong thời hạn cam kết và không thuộc các trường hợp chấm dứt, thu hồi Dư nợ vay GDKQ trước hạn theo Phần D này.

(e) VPBankS có quyền chấp thuận hoặc từ chối thực hiện các lệnh mua Chứng Khoán Ký Quỹ của Khách hàng mà không cần giải thích lý do.

33.2 Phương thức giải ngân Khoản Vay:

(a) Việc Khách hàng đặt lệnh mua Chứng Khoán Ký Quỹ trên TKGDQ nếu không đủ tiền khả dụng để thanh toán cho các chi phí phát sinh đồng nghĩa với việc Khách hàng đề nghị VPBankS cho Khách hàng vay một Khoản Vay để giao dịch ký quỹ. Căn cứ các tỷ lệ nợ và tài sản trên TKGDQ của Khách hàng và nguồn vốn của VPBankS, VPBankS có thể cho Khách hàng vay một hoặc nhiều lần;

(b) Khi lệnh mua Chứng Khoán Ký Quỹ được khớp, VPBankS sẽ tự động giải ngân Khoản Vay vào TKGDQ của Khách hàng. Ngày giải ngân được xác định là ngày lệnh mua Chứng Khoán Ký Quỹ được khớp lệnh;

(c) Khách hàng đồng ý nhận nợ đối với Các Khoản Vay mà VPBankS đã giải ngân theo lệnh mua Chứng Khoán Ký Quỹ của Khách hàng mà không cần thêm bất kỳ sự xác nhận nào khác. Khoản Vay của Khách hàng sẽ được VPBankS ghi nhận và thông báo cho Khách hàng khi có yêu cầu;

(d) Mỗi lệnh yêu cầu giải ngân, khi được VPBankS chấp thuận, là một Khoản Vay riêng biệt và do vậy, các quy định về thời hạn vay, trả nợ, lãi suất và các điều khoản cho vay khác sẽ áp dụng cho từng Khoản Vay một cách riêng biệt.

Điều 34. THỜI HẠN CHO VAY VÀ TRẢ NỢ VAY

34.1 Thời hạn cho vay của mỗi Khoản Vay được áp dụng theo quy định của VPBankS theo từng thời kỳ. VPBankS sẽ công khai thời hạn này tại sàn giao dịch của VPBankS và/hoặc website của VPBankS và/hoặc phương tiện khác. Bằng văn bản này, Khách hàng đồng ý và đề nghị VPBankS gia hạn các Khoản Vay phù hợp với các quy định pháp luật và quy định nội bộ của VPBankS từng thời kỳ. Khách hàng cam kết chấp thuận vô điều kiện các chính sách do VPBankS ban hành và áp dụng tại thời điểm VPBankS xem xét chấp thuận gia hạn Khoản Vay cho Khách hàng. Giá trị Khoản Vay khi gia hạn sẽ được tính lại bao gồm cả tiền lãi, phí của Khoản Vay theo quy định của VPBankS theo từng thời kỳ.

34.2 Không phụ thuộc vào thời hạn vay, Khách hàng đồng ý trả cho VPBankS tất cả các khoản nợ, gồm tiền nợ gốc, nợ lãi ngay khi Khách hàng có tiền trong TKGDQ hoặc tiền bán chứng khoán chờ về TKGDQ. Việc trả nợ được thực hiện một lần hoặc nhiều lần (thanh toán từng phần) tùy thuộc vào số dư tiền có trong TKGDQ của Khách hàng và theo quy định về việc trả nợ của VPBankS trong từng thời kỳ.

34.3 Vào ngày hết thời hạn (“Ngày Đáo Hạn”) của mỗi Khoản Vay, Khách hàng có trách nhiệm trả VPBankS toàn bộ Khoản Vay, tiền lãi và bất kỳ chi phí phát sinh nào.

34.4 Nếu vào Ngày Đáo Hạn của một Khoản Vay mà Khách hàng chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, VPBankS có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) khấu trừ bất kỳ số tiền nào trên TKGDQ và/hoặc xử lý các tài sản bảo đảm trên TKGDQ và các tài sản bảo đảm khác của Khách hàng để thu hồi khoản nợ đó.

34.5 Trong trường hợp Khách hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vào Ngày Đáo Hạn, Khoản Vay đến hạn, tiền lãi vay và các chi phí phát sinh sẽ bị coi là nợ quá hạn và bị tính lãi suất quá hạn theo quy định tại Điều 35 của Bộ T&C này.

34.6 Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán, và tại đây đồng ý ủy quyền cho VPBankS trích từ TKGDQ của Khách hàng bất kỳ khoản tiền nào để thanh toán cho các khoản phải trả, phí giao dịch, phí tư vấn/đặt lệnh, thuế thu nhập, các khoản thuế khác, phí, lệ phí, chi phí khác liên quan đến TKGDQ và giao dịch Chứng Khoán Ký Quỹ thực hiện theo lệnh của Khách hàng, các chi phí liên quan đến việc gửi, giữ, cầm cố, quản lý, phong tỏa tài sản bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm. Các khoản phí dịch vụ của VPBankS thực hiện theo biểu phí do VPBankS công bố trong từng thời kỳ.

34.7 VPBankS có quyền không tiếp tục giải ngân, chấm dứt việc cho vay GDKQ, thu hồi nợ trước hạn (bao gồm: dư nợ vay GDKQ, toàn bộ tiền lãi, phí chưa thanh toán, các nghĩa vụ khác của Khách hàng với VPBankS) cũng như chấm dứt Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQ với Khách hàng trong các trường hợp sau:

(a) Khách hàng có liên quan đến các vụ kiện mà theo

nhận định của VPBankS là có ảnh hưởng đến phần lớn tài sản của Khách hàng; Khách hàng bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị khởi tố/ truy tố/ xét xử về hình sự. Đối với Khách hàng là tổ chức bị giải thể, ngừng hoạt động, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức, Cổ phần hóa hoặc thay đổi chủ sở hữu...; người đại diện theo pháp luật, người điều hành của Khách hàng bị khởi tố/ truy tố/ xét xử về hình sự;

(b) Khách hàng vi phạm bất kỳ nội dung nào của Phần D này và/hoặc cam kết đã ký với VPBankS;

(c) Khách hàng không đồng ý thay đổi: Lãi suất vay GDKQ, phí, các tỷ lệ liên quan đến TKGDQ...do VPBankS đưa ra;

(d) Khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật khi thực hiện mở TKCK và TKGDQ;

(e) Khách hàng là cá nhân chết mà không có người thừa kế được VPBankS chấp thuận;

(f) VPBankS quyết định ngừng cho vay GDKQ theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do thay đổi chiến lược kinh doanh hay do bất kỳ nguyên nhân nào khác; các trường hợp khác mà VPBankS xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi vốn cho VPBankS.

(g) Việc thu nợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: phí giao dịch/các khoản phải trả khác của Khách hàng (nếu có), chi phí xử lý tài sản bảo đảm, Tiền lãi quá hạn, Tiền lãi trong hạn, nợ gốc. VPBankS có quyền đơn phương thay đổi thứ tự ưu tiên thu hồi nợ này mà không cần thông báo Khách hàng.

Điều 35. LÃI SUẤT CHO VAY

35.1 Lãi suất cho vay áp dụng cho các Khoản Vay là mức lãi suất do VPBankS quy định trong từng thời kỳ. VPBankS sẽ thông báo công khai mức lãi suất này tại sàn giao dịch của VPBankS và/hoặc website của VPBankS và/hoặc phương tiện khác. VPBankS có toàn quyền điều chỉnh (tăng hoặc giảm) mức lãi suất cho vay. Mức lãi suất mới (sau điều chỉnh) sẽ có hiệu lực áp dụng theo thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay của VPBankS.

35.2 Lãi suất quá hạn áp dụng đối với các khoản nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ tại cùng thời điểm hoặc theo quy định của VPBankS trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định pháp luật.

35.3 Tiền lãi vay được tính trên cơ sở lãi suất và số ngày vay thực tế (bao gồm các ngày giao dịch, ngày nghỉ, lễ, Tết) tương ứng với Khoản Vay giao dịch ký quỹ của Khách hàng trong một (01) năm. Công thức cụ thể như sau:

Tiền lãi vay = Số tiền dư nợ khoản vay x Lãi suất năm x Số ngày vay thực tế/ 365.

35.4 Tiền lãi vay và lãi quá hạn sẽ được thanh toán theo quy định của VPBankS trong từng thời kỳ.

Điều 36. TÀI SẢN BẢO ĐẢM VÀ TỶ LỆ KÝ QUỸ

36.1 Khách hàng đồng ý sử dụng toàn bộ tiền mặt, chứng khoán có trong TKGDQ, tiền bán chứng khoán và chứng khoán đang về TKGDQ và các quyền liên quan đến chứng khoán này để làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ các Khoản Vay và bất kỳ khoản nợ/nghĩa vụ/trách nhiệm nào khác của Khách hàng đối với VPBankS. Khách hàng có thể được phép bổ sung các tài sản khác làm tài sản bảo đảm tùy theo chính sách của VPBankS trong từng thời kỳ. Khách hàng không được phép rút ra, chuyển, chuyển nhượng, tặng cho hay sử dụng làm tài sản bảo đảm bất kỳ số tiền, chứng khoán, tài sản nào

trong TKGDQ cho bất kỳ nghĩa vụ nào của Khách hàng với bất kỳ bên thứ ba nào, trừ khi được quy định khác một cách rõ ràng trong Hợp đồng hoặc được sự đồng ý của VPBankS. VPBankS có quyền định giá lại giá trị tài sản bảo đảm của Khách hàng khi VPBankS thấy cần thiết, và Khách hàng cam kết chấp nhận việc định giá lại đó mà không có bất kỳ khiếu nại hay phản đối nào.

36.2 Khách hàng chỉ được rút tiền trên TKGDQ khi: (i) nếu sau khi rút tiền mà Tỷ Lệ Ký Quỹ lớn hơn hoặc bằng Tỷ Lệ Ký Quỹ An Toàn và (ii) phù hợp với chính sách của VPBankS và quy định của pháp luật. Chính sách rút tiền được VPBankS quy định trong từng thời kỳ.

36.3 Các bên đồng ý rằng, vì mục đích tính toán các tỷ lệ an toàn cho vay, Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm Quy Đổi của Khách hàng được xác định theo công thức sau:

Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm Quy Đổi

= \sum (Số lượng Chứng Khoán Ký Quỹ x Giá Căn Cứ x Tỷ Lệ Cho Vay)

+ Quyền chứng khoán phát sinh (được định giá tùy theo chính sách từng thời kỳ của VPBankS).

+ Giá trị các tài sản bảo đảm khác (nếu có) (được định giá tùy theo chính sách từng thời kỳ của VPBankS).

36.4 Thời điểm xác định tỷ lệ ký quỹ thực tế:

Vào cuối ngày giao dịch, VPBankS xác định tỷ lệ ký quỹ thực tế của từng tài khoản giao dịch ký quỹ.

36.5 Khách hàng phải đảm bảo luôn duy trì Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm Quy Đổi trong TKGDQ sao cho Tỷ Lệ Ký Quỹ trên TKGDQ của Khách hàng luôn lớn hơn hoặc bằng Tỷ Lệ Ký Quỹ Duy Trì tại mọi thời điểm trong suốt thời hạn của Hợp đồng mở TKCK.

Tỷ Lệ Ký Quỹ (Rtt) được tính theo công thức sau:

$$Rtt = \frac{\text{Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm Quy Đổi}}{(\text{Tổng Dư Nợ Vay} - \text{Tiền} - \text{Tiền bán chứng khoán chờ về})}$$

Khách hàng tại đây đồng ý ủy quyền cho VPBankS quản lý toàn bộ tiền, Chứng Khoán Ký Quỹ và các tài sản khác trên TKGDQ và ủy quyền cho VPBankS bán hoặc định đoạt bằng cách khác một phần hoặc toàn bộ các tài sản này trong các trường hợp thỏa thuận tại Hợp đồng mở TKCK và/hoặc theo quy định của pháp luật.

Các mức Tỷ lệ ký quỹ an toàn, Tỷ lệ ký quỹ duy trì, Tỷ lệ ký quỹ xử lý do VPBankS quy định từng thời kỳ.

Điều 37. LỆNH GỌI KÝ QUỸ BỔ SUNG

37.1 Nếu Tỷ Lệ Ký Quỹ (Rtt) trên TKGDQ của Khách hàng tại bất kỳ thời điểm nào giảm xuống thấp hơn Tỷ Lệ Ký Quỹ Duy Trì (vì bất kỳ lý do gì) thì Khách hàng có nghĩa vụ bổ sung tài sản bảo đảm (bằng tiền hoặc Chứng Khoán Ký Quỹ) để đưa Tỷ Lệ Ký Quỹ về mức Tỷ lệ thoát Call.

37.2 Trong trường hợp nêu tại Điều 37.1 trên đây, VPBankS sẽ phát hành lệnh gọi ký quỹ bổ sung gửi tới Khách hàng theo một trong các phương thức liên hệ sau đây: Gọi điện thoại, hoặc gửi tin nhắn SMS hoặc phương thức khác do VPBankS quyết định. Khách hàng có nghĩa vụ bổ sung tài sản bảo đảm theo đúng yêu cầu của VPBankS trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ khi Khách hàng nhận được lệnh gọi ký quỹ bổ sung từ VPBankS.

37.3 Lệnh gọi ký quỹ bổ sung của VPBankS được xem là đã được gửi tới Khách hàng và Khách hàng đã nhận được lệnh đó khi một trong các phương thức sau được thực hiện:

- a) Hai (02) ngày sau ngày VPBankS gửi đi theo biên lai ghi nhận của bên chuyển phát (nếu gửi bằng bưu điện, dịch vụ chuyển phát); hoặc
- b) vào thời điểm Hệ Thống của VPBankS ghi nhận cuộc gọi mà VPBankS gọi cho Khách hàng (dù có kết nối được Hay không) (nếu sử dụng phương thức liên hệ qua điện thoại); hoặc
- c) vào thời điểm e-mail gửi thành công (theo ghi nhận trên Hệ Thống/thiết bị của VPBankS) (nếu sử dụng phương thức liên hệ qua e-mail); hoặc
- d) Vào thời điểm tin nhắn được gửi đi thành công (theo ghi nhận trên Hệ Thống/thiết bị của VPBankS) (nếu sử dụng phương thức liên hệ bằng tin nhắn).

37.4 Việc bổ sung tài sản bảo đảm được thực hiện dưới các hình thức: (i) bổ sung bằng tiền; (ii) bổ sung bằng chứng khoán có trong Danh sách Chứng Khoán Ký Quỹ chứng khoán được phép GDKQ hoặc (iii) tài sản khác được phép sử dụng làm tài sản bảo đảm theo quy định của VPBankS tại thời điểm bổ sung tuân thủ theo quy định pháp luật. Giá trị tài sản bảo đảm bổ sung được tính theo công thức sau:

a) Trường hợp bổ sung bằng tiền:

$$\text{Số tiền ký quỹ bổ sung} = \text{Tổng Dư Nợ Vay} - \text{Tiền mặt} - \text{Tiền bán CK chờ về} - \frac{\text{Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm Quy Đối}}{\text{Tỷ Lệ Thoát Call}}$$

b) Trường hợp bổ sung bằng Chứng Khoán Ký Quỹ:

$$\text{Giá trị quy đổi CK ký quỹ bổ sung} = [(\text{Tổng Dư Nợ Vay} - \text{Tiền mặt} - \text{Tiền bán CK chờ về}) \cdot \text{Tỷ Lệ Thoát Call}] - \text{Giá Trị TSĐB quy đổi}$$

$$\text{Số lượng chứng khoán ký quỹ bổ sung} = \frac{\text{Giá trị quy đổi chứng khoán ký quỹ bổ sung}}{\text{Giá Căn Cứ} \cdot \text{Tỷ Lệ Cho Vay}}$$

c) Trường hợp bổ sung bằng tài sản khác: Theo quy định của VPBankS trong từng thời kỳ.

Điều 38. XỬ LÝ TÀI SẢN ĐẢM BẢO

38.1 Nếu Khách hàng không bổ sung đầy đủ tài sản bảo đảm theo lệnh gọi ký quỹ bổ sung của VPBankS trong thời hạn quy định, hoặc bất kỳ khi nào mà Tỷ Lệ Ký Quỹ trên TKGDKQ của Khách hàng xuống dưới Tỷ Lệ Xử Lý (kể cả trường hợp chưa hết thời hạn để bổ sung tài sản bảo đảm nêu ở Điều 37 của Bộ T&C này, hoặc bất kỳ Khoản Vay nào đến hạn mà Khách hàng không trả nợ đầy đủ và không được gia hạn, hoặc bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào khác của Khách hàng với VPBankS đến hạn, thì VPBankS có toàn quyền quyết định bán một phần hoặc toàn bộ tài sản bảo đảm của Khách hàng để thu hồi nợ gốc, lãi và các khoản phí/chi phí khác theo cách thức của VPBankS quy định. VPBankS có quyền đặt ngay giá sàn hoặc bất kỳ giá nào để ưu tiên việc bán được chứng khoán. Việc toàn quyền bán tài sản bảo đảm được hiểu bao gồm cả việc sửa, hủy lệnh đặt bán do VPBankS hoặc chính Khách hàng đã đặt nhằm ưu tiên việc bán được chứng khoán.

38.2 Việc bán giải chấp tài sản bảo đảm do VPBankS toàn quyền quyết định mà không phụ thuộc vào việc Khách hàng có nhận được thông báo bán tài sản bảo đảm hay không. VPBankS có trách nhiệm gửi cho Khách hàng bản sao kê kết quả giao dịch bán tài sản bảo đảm khi Khách hàng có yêu cầu.

38.3 Khách hàng đồng ý rằng nếu sau khi bán tài sản bảo đảm mà tổng số tiền có trên TKGDKQ của Khách hàng không đủ trả hết nợ cho VPBankS thì VPBankS có toàn quyền áp dụng các quy định/biện pháp sau đây:

- a) Bán chứng khoán (nếu có) và/hoặc khấu trừ các khoản tiền có trên TKGDKQ và tiêu khoản giao dịch chứng khoán khác của Khách hàng để thu hồi nợ; và/hoặc

- b) Yêu cầu phong tỏa và trích/khấu trừ tiền trong tài khoản Ngân hàng của Khách hàng để thanh toán khoản tiền Khách hàng nợ VPBankS; và/hoặc
- c) Yêu cầu cơ quan chi trả tiền/thu nhập cho Khách hàng thực hiện việc khấu trừ từ khoản tiền phải trả cho Khách hàng để thanh toán khoản tiền Khách hàng nợ VPBankS; và/hoặc
- d) Định đoạt các tài sản khác của Khách hàng để thu hồi một phần hoặc toàn bộ khoản tiền Khách hàng nợ VPBankS.

38.4 Khách hàng đồng ý rằng: (i) VPBankS có quyền sử dụng một hoặc tất cả các biện pháp thu hồi nợ nêu trên; (ii) Các cơ quan/tổ chức có liên quan (Ngân hàng, Cơ quan chi trả tiền/thu nhập...) có quyền thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của VPBankS mà không cần thêm bất kỳ sự chấp thuận nào từ Khách hàng miễn rằng VPBankS có chứng cứ về việc Khách hàng chưa trả hết nợ cho VPBankS.

38.5 Tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, sau khi đã trừ đi các chi phí liên quan, sẽ được thanh toán các khoản nợ của Khách hàng với VPBankS theo thứ tự như sau: thuế, phí dịch vụ, lãi quá hạn, lãi trong hạn các khoản phải trả/phạt/bồi thường thiệt hại khác (nếu có), nợ gốc. VPBankS có quyền thay đổi thứ tự thanh toán này.

38.6 Nếu sau khi VPBankS xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không thanh toán đủ các khoản nợ của Khách hàng đối với VPBankS, Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán ngay lập tức phần nợ còn thiếu cho VPBankS.

Điều 39. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG

39.1 Quyền Lợi Của Khách hàng

- (a) Gửi yêu cầu sử dụng dịch vụ cho vay GDKQ theo đúng các nội dung quy định trong Phần D này;
- (b) Chấm dứt Phần D này trước thời hạn với điều kiện đã thanh toán mọi khoản dư nợ, phí, chi phí liên quan cho VPBankS;
- (c) Khiếu nại, khởi kiện nếu VPBankS vi phạm các thỏa thuận trong Phần D này;

39.2 Nghĩa Vụ Của Khách hàng

- (a) Cung cấp đầy đủ, trung thực và cập nhật thay đổi nếu có liên quan đến các thông tin, tài liệu để mở, quản lý TKGDKQ, GDKQ, vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi và không làm bất cứ điều gì khó khăn trở ngại trong trường hợp VPBankS phải xử lý TSĐB theo quy định tại Phần D này;
- (b) Nhận nợ vô điều kiện đối với các khoản tiền vay được VPBankS tự động giải ngân trên TKGDKQ (không cần có chữ ký của Khách hàng) để thanh toán cho các giao dịch đã thành công tại VPBankS và có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ các khoản tiền đó và/hoặc các nghĩa vụ khác cho VPBankS theo quy định của Phần D này;
- (c) Trong trường hợp VPBankS đồng ý cho Khách hàng được phép rút/chuyển khoản tiền trên TKGDKQ, Khách hàng cam kết nhận nợ vô điều kiện đối với khoản tiền này, và khoản tiền này cũng được xem là khoản vay của Khách hàng và được cộng dồn vào Dư nợ vay GDKQ lũy kế;
- (d) Chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường hàng ngày, chủ động bổ sung TSĐB theo quy định của VPBankS trong trường hợp TSĐB của Khách hàng bị giảm sút giá trị theo đánh giá của VPBankS, trả bớt dư nợ vay

GDKQ, yêu cầu VPBankS xử lý một phần hoặc toàn bộ TSDB để đảm bảo duy trì Tỷ lệ ký quỹ hiện tại luôn lớn hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì. Thực hiện công bố thông tin (đối với trường hợp phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật) theo yêu cầu của VPBankS khi VPBankS phải xử lý TSDB;

(e) Trong thời gian cầm cố TSDB, TSDB không được chuyển nhượng, tặng, cho cầm cố, thế chấp TSDB cho bất kỳ bên thứ ba nào, không thực hiện bất cứ quyền nào phát sinh từ TSDB, không xâm phạm đến TSDB hoặc sử dụng biện pháp khác để rút tiền từ TSDB không đúng với các nội dung tại Phần D này;

(f) Thanh toán phí, chi phí, các khoản thuế liên quan tới việc gửi, giữ, cầm cố, quản lý, phong tỏa TSDB, xử lý TSDB, mở, sử dụng và quản lý tài khoản;

(g) Thanh toán Dự nợ vay GDKQ khi đến hạn, tiền lãi, phí, chi phí, các khoản đến hạn khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn cho VPBankS hoặc bên nhận chuyển nhượng;

(h) Cam kết vô điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản của Khách hàng để trả đủ số tiền nợ gốc, tiền lãi, phí, chi phí và các khoản thanh toán đến hạn khác (nếu có) cho VPBankS hoặc bên nhận chuyển nhượng; đồng thời đồng ý để VPBankS tự động phong tỏa tài khoản và trích tài khoản của Khách hàng mở tại VPBankS để trích tiền thu hồi các khoản nợ gốc, Tiền lãi, phí, phạt bồi thường thiệt hại cho VPBankS;

(i) Ủy quyền cho VPBankS toàn quyền xử lý TSDB để thu hồi nợ cho VPBankS khi xảy ra các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 38. VPBankS có quyền phối hợp hoặc ủy quyền lại cho bên thứ ba thay mặt VPBankS xử lý TSDB;

(j) Đồng ý, chấp thuận, tuân thủ đúng và cam kết không có bất khiếu nại, khiếu kiện nào đối với các quy định của Phần D này;

(k) Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật cũng như các rủi ro do tổ chức và hoạt động của VPBankS gây nên.

39.3 Cam Kết Của Khách Hàng

(a) Khách hàng đã đọc và thông hiểu quy định về việc vay GDKQ quy định tại Phần D này và tại đây cam kết thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Phần D này, các văn bản liên quan theo quy định của pháp luật.

(b) Khách hàng có đủ năng lực dân sự và thẩm quyền cần thiết để sử dụng giao dịch ký quỹ chứng khoán, tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Phần D này.

(c) Khách hàng đồng ý rằng: Trừ trường hợp Khách hàng và VPBankS có ký văn bản thỏa thuận khác đi một cách rõ ràng, Người được ủy quyền của Khách hàng liên quan đến TKGDKK của Khách hàng được hiểu là được ủy quyền tương đương trên cả TKGDKK và TKGDKQ.

(d) Người được ủy quyền của Khách hàng cũng đồng ý sử dụng các tài sản trong tài khoản riêng của Người được ủy quyền mở tại VPBankS (nếu có) và tất cả các tài sản khác để làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của Khách hàng trong Phần D này. Người được ủy quyền đồng ý để VPBankS phong tỏa và xử lý tài sản trong tài khoản riêng của mình (tương tự như cách xử lý quy định trong Phần D này) để đảm bảo các nghĩa vụ của Khách hàng trong các trường hợp mà VPBankS xét thấy cần thiết. Tuy nhiên, VPBankS có quyền quyết định xử lý tài sản của Người được ủy quyền theo từng trường hợp cụ thể. Việc VPBankS không xử lý tài sản của Người được ủy quyền sẽ không được hiểu là miễn trách đối với Khách hàng

trong mọi trường hợp.

Trường hợp xảy ra tranh chấp giữa Khách hàng và Người được ủy quyền giao dịch của Khách hàng, Khách hàng và Người được ủy quyền cam kết và đảm bảo không yêu cầu VPBankS phải tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào. Nếu VPBankS phải tham gia theo yêu cầu của tòa án thì Khách hàng và Người được ủy quyền sẽ liên đới chịu các phí tổn của VPBankS để tham gia.

(f) Nội dung của Phần D này và việc Khách hàng ký kết và thực hiện các giao dịch đó đã được phê duyệt đầy đủ và hợp lệ bởi các cơ quan/ cấp có thẩm quyền nội bộ của Khách hàng; người ký đại diện cho Khách hàng trên các hồ sơ giao dịch là người đại diện hợp pháp của Khách hàng.

(g) Khách hàng cam kết chuyển giao cho VPBankS bản sao đầy đủ của các quy định/chấp thuận nội bộ cho phép Khách hàng ký kết và thực hiện Phần D này; các quy định/chấp thuận đó vẫn còn đầy đủ hiệu lực và chưa bị sửa đổi, thay thế, hủy bỏ hay điều chỉnh theo bất kỳ cách thức nào khác; Trường hợp có sửa đổi, thay thế, hủy bỏ hay điều chỉnh các quy định/chấp thuận nội bộ nêu trên, Khách hàng cam kết ngay lập tức gửi thông tin cho VPBankS. Nếu việc không thông báo hoặc thông báo chậm trễ dẫn đến vi phạm hoặc có thiệt hại phát sinh, Khách hàng phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với VPBankS, bao gồm cả trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh.

(h) Đối với trường hợp Khách hàng chuyển chứng khoán/tiền mặt từ TKGDKK sang TKGDKQ theo quy định của Phần D này, căn cứ vào phiếu yêu cầu của Khách hàng lập theo mẫu quy định của VPBankS, VPBankS sẽ thực hiện việc chuyển chứng khoán/chuyển tiền vào TKGDKQ. Trường hợp Khách hàng yêu cầu thông qua điện thoại, giao dịch điện tử... VPBankS sẽ được quyền thay mặt Khách hàng lập phiếu và tự động chuyển chứng khoán/tiền mặt theo yêu cầu của Khách hàng.

Điều 40. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VPBANKS

40.1 Quyền Của VPBankS

(a) Liên quan đến việc quản lý TKGDKQ, Khách hàng ủy quyền cho VPBankS và không hủy ngang cho đến khi Khách hàng hoàn thành mọi nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ dự nợ vay GDKQ cho VPBankS thực hiện các công việc sau:

(i) Thay mặt Khách hàng xử lý TSDB để thu hồi các khoản tiền Khách hàng phải thanh toán cho VPBankS khi Khách hàng vi phạm một trong các quy định được thỏa thuận tại Phần D này;

(ii) Thay mặt Khách hàng rút tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn cho VPBankS khi Khách hàng vi phạm một trong các quy định được thỏa thuận tại Phần D này;

(iii) Thay mặt Khách hàng thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đến hạn đối với VPBankS theo quy định tại Phần D này hay bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Khách hàng và VPBankS hoặc theo quy định của pháp luật.

(b) Từ chối giải ngân nếu Khách hàng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân, điều kiện về TSDB, các Tỷ lệ ký quỹ và/hoặc các điều kiện khác theo quy định của VPBankS trong từng thời kỳ;

(c) Từ chối giải ngân trong trường hợp nằm ngoài khả năng cung cấp dịch vụ của VPBankS;

(d) Đơn phương xác định lại, điều chỉnh và/hoặc thay đổi tỷ lệ cho vay đối với bất kỳ mã chứng khoán nào thuộc Danh sách chứng khoán được phép GDKQ;

(e) Đơn phương thay đổi các tỷ lệ liên quan tới quản lý,

xử lý TSDB của Khách hàng...và/hoặc thay đổi mức lãi suất cho vay, thay đổi cách thức tính lãi vay mà không cần phải thông báo trước;

(f) Đơn phương xác định lại, điều chỉnh thay đổi tăng/giảm và chấm dứt hạn mức, sức mua đã cấp cho Khách hàng;

(g) Tự động ghi nợ, ghi có, chuyển khoản, nộp/trích/rút tiền đối với các tài khoản của Khách hàng tại VPBankS để:

(i) Chuyển tiền thanh toán cho các giao dịch mua, bán, thanh toán phí của Khách hàng tại VPBankS để thực hiện các GDKQ theo Phần D này;

(ii) Thu hồi nợ gốc, nợ lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ khác đối với các trường hợp được quy định tại Phần D này;

(iii) Được quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) tự động chuyển tiền/chứng khoán từ TKGDCK (nếu có) sang TKGDQ trong trường hợp Khách hàng không bảo đảm các tỷ lệ yêu cầu trên TKGDQ;

(iv) Tự động đóng TKGDQ khi Khách hàng vi phạm các nội dung theo Phần D này.

(h) Khi các khoản vay của Khách hàng đến hạn trả nợ hoặc phải thanh toán trước hạn theo các quy định tại Phần D này, VPBankS được quyền tự động trích tài khoản của Khách hàng tại VPBankS hoặc tại bất kỳ tài khoản được ủy quyền giao dịch nào của Khách hàng;

(i) Được quyền xử lý TSDB theo quy định tại Phần D này. Trường hợp xử lý TSDB bằng cách bán chứng khoán trên các SGDCCK mà không bán được (do mất thanh khoản tại thời điểm cần xử lý), VPBankS được quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) nhận chứng khoán là TSDB theo giá sàn của ngày VPBankS quyết định xử lý (bằng cách tự động thực hiện giao dịch vào tài khoản tự doanh của VPBankS) để giảm bớt tương ứng nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng;

(j) Được quyền yêu cầu Khách hàng sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ cho VPBankS trong trường hợp TSDB hoặc bảo lãnh không đủ để chi trả cho VPBankS;

(k) Được quyền thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra các sự kiện quy định tại Điều 34 trên đây;

(l) Không cần sự chấp thuận của Khách hàng, được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho bên thứ 3 (gọi tắt là bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của VPBankS theo quy định của Phần D này và các văn bản bổ sung, sửa đổi kèm theo. Trong trường hợp này VPBankS có nghĩa vụ phải thông báo cho Khách hàng bằng văn bản;

(m) Được quyền thu tiền lãi và/hoặc các khoản phí khác theo VPBankS quy định trong từng thời kỳ phù hợp với pháp luật và nội dung của Phần D này;

(n) VPBankS có quyền gửi Thông báo liên quan đến TK GDKQ cho chính chủ tài khoản và/hoặc người nhận ủy quyền giao dịch.

40.2 Nghĩa Vụ Của VPBankS

(a) Thực hiện nghĩa vụ thông báo cho Khách hàng các thay đổi về danh mục ký quỹ, các tỷ lệ liên quan tới xử lý, quản lý TSDB,... quy định tại Phần D này, các thỏa thuận và văn bản đi kèm (nếu có) theo phương thức do VPBankS quyết định;

(b) Thực hiện đúng quy định tại Phần D này và các văn bản thỏa thuận khác (nếu có);

(c) Thực hiện lưu giữ hồ sơ Khách hàng phù hợp với các quy định của pháp luật;

(d) Thông báo cho Khách hàng trước và sau khi thực hiện lệnh bán chứng khoán thế chấp và gửi cho Khách hàng bảng sao kê kết quả giao dịch bán chứng khoán thế chấp theo phương thức do VPBankS lựa chọn phù hợp với T&C này

PHẦN E: QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Điều 41. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

41.1. Điều khoản và Điều kiện chung về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân (“T&C BVDLCN”) chỉ áp dụng cho các Khách hàng cá nhân của VPBankS.

41.2. Phụ thuộc vào vai trò của VPBankS trong từng tình huống cụ thể là (i) Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân; (ii) Bên Xử lý dữ liệu cá nhân; hoặc (iii) Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu, VPBankS sẽ thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm cũng như các nguyên tắc xử lý Dữ liệu cá nhân tương ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

41.3. T&C BVDLCN sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có bất kỳ xung đột hoặc mâu thuẫn nào với các thỏa thuận, điều khoản và điều kiện chi phối mối quan hệ của Khách hàng với VPBankS, cho dù được ký kết trước, vào ngày hoặc sau ngày Khách hàng chấp thuận T&C BVDLCN này.

41.4. Tất cả các quyền và nghĩa vụ của VPBankS và Khách hàng tại T&C BVDLCN này sẽ không thay thế, chấm dứt hoặc thay đổi mà sẽ đồng thời là các quyền, nghĩa vụ mà VPBankS và Khách hàng đang có ở bất kỳ văn bản nào và không một điều khoản nào trong T&C BVDLCN này hàm ý hạn chế hoặc xóa bỏ bất kỳ quyền, nghĩa vụ nào trong số các quyền, nghĩa vụ của các bên đã được xác lập.

Điều 42. LOẠI DỮ LIỆU CÁ NHÂN

42.1 Dữ liệu cá nhân được xử lý bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản, dữ liệu cá nhân nhạy cảm và dữ liệu, thông tin khác theo quy định pháp luật được coi là dữ liệu cá nhân.

42.2 Dữ liệu cá nhân cơ bản bao gồm: họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có); ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm chết; giới tính; nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, quê quán, địa chỉ liên hệ; quốc tịch; hình ảnh của cá nhân (bao gồm cả hình ảnh, thông tin có được từ các hệ thống camera an ninh); số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu, số mã số thuế cá nhân; tình trạng hôn nhân; thông tin về mối quan hệ gia đình (cha mẹ, con cái); thông tin về tài khoản số của cá nhân; các thông tin khác gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể.

42.3 Dữ liệu cá nhân nhạy cảm là dữ liệu cá nhân gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân mà khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: quan điểm chính trị, quan điểm tôn giáo; tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án (không bao gồm thông tin về nhóm máu); thông tin liên quan đến nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc; thông tin khách hàng khác gồm: thông tin định danh khách hàng theo quy định của pháp luật, thông tin về tài khoản ngân hàng, thông tin về tài khoản chứng khoán, thông tin lưu ký chứng khoán, thông tin về tiền và tài sản, thông tin về giao dịch chứng khoán và chuyển tiền...

Điều 43. MỤC ĐÍCH XỬ LÝ

VPBankS thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân của Khách hàng cho một hoặc nhiều mục đích sau: thẩm định, nhận biết, xác minh khách hàng; giao kết, thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản; cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ cho Khách hàng; thống kê, quản lý, báo cáo; phục vụ yêu cầu về thuế, kế toán, kiểm toán, kiểm soát rủi ro, kiểm soát nội bộ; phục vụ, chăm sóc và nâng cao trải nghiệm của Khách hàng; phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, tuân thủ cấm vận; phục vụ mục đích tuân thủ FATCA (đạo luật Tuân thủ Thuế đối với các chủ tài khoản nước ngoài) theo thỏa thuận giữa IRS và chính phủ Việt Nam; giải quyết khiếu nại, giải quyết tranh chấp; thực hiện theo

quy định của pháp luật (bao gồm pháp luật Việt Nam, pháp luật nước ngoài, điều ước quốc tế, hiệp định quốc tế) và yêu cầu của cơ quan chức năng; phục vụ các mục đích khác mà VPBankS cho là phù hợp tại từng thời điểm.

Điều 44. CÁCH THỨC XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

44.1. Phương Pháp Thu Thập

Xử lý dữ liệu cá nhân của Khách hàng bao gồm một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu cá nhân, như: thu thập, ghi, phân tích, xác nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, cung cấp, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu cá nhân, các hành động khác có liên quan hoặc bất kỳ hoạt động nào mà theo quy định pháp luật tại từng thời điểm được định nghĩa là xử lý dữ liệu cá nhân. Việc xử lý dữ liệu cá nhân có thể diễn ra tại bất kỳ thời điểm nào, bao gồm cả việc xử lý dữ liệu cá nhân tự động và chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài.

44.2. Cách Thức Thu Thập

(a) Trực tiếp từ Khách hàng

(i) Thông qua quan hệ được thiết lập giữa VPBankS và Khách hàng khi Khách hàng đăng ký, sử dụng bất kỳ sản phẩm, dịch vụ nào của VPBankS.

(ii) Từ các Trang tin điện tử của VPBankS: VPBankS có thể thu thập dữ liệu cá nhân khi Khách hàng truy cập bất kỳ trang tin điện tử nào của VPBankS hoặc sử dụng bất kỳ tính năng, tài nguyên nào có sẵn trên hoặc thông qua Trang tin điện tử.

(iii) Từ Ứng dụng của VPBankS cho thiết bị di động: VPBankS có thể thu thập dữ liệu cá nhân khi Khách hàng tải xuống hoặc sử dụng ứng dụng của VPBankS dành cho thiết bị di động.

(iv) Từ các trao đổi, liên lạc giữa VPBankS với Khách hàng: VPBankS có thể thu thập dữ liệu cá nhân trong quá trình trao đổi, liên lạc giữa VPBankS và Khách hàng (gặp trực tiếp, qua thư, điện thoại, trực tuyến, liên lạc điện tử hoặc bất kỳ phương tiện nào khác) bao gồm cả các cuộc khảo sát của VPBankS mà Khách hàng tham gia.

(v) Từ các tương tác hoặc các công nghệ thu thập dữ liệu tự động: VPBankS có thể thu thập thông tin bao gồm địa chỉ IP, URL giới thiệu, hệ điều hành, trình duyệt tin điện tử và bất kỳ thông tin nào khác được ghi tự động từ kết nối:

(vi) Cookie, flash cookie, thẻ pixel, tin điện tử beacons, hoặc các công nghệ theo dõi khác.

(vii) Cookie, plug-in hoặc trình kết nối mạng xã hội của bên thứ ba.

(viii) Bất kỳ công nghệ nào có khả năng theo dõi hoạt động cá nhân trên các thiết bị hoặc trang tin điện tử.

(ix) Thông tin vị trí hoặc siêu dữ liệu khác được cung cấp bởi một thiết bị.

(x) Các phương tiện khác: VPBankS có thể thu thập dữ liệu cá nhân khi Khách hàng tương tác với VPBankS thông qua bất kỳ phương tiện nào khác

(b) Từ các bên thứ ba khác

Từ các nhà cung cấp, bên cung cấp dịch vụ, đối tác, bên liên kết và các bên thứ ba có liên quan đến hoạt động kinh doanh của VPBankS.

Điều 45. CÁC BÊN LIÊN QUAN

VPBankS có thể xử lý, cung cấp dữ liệu cá nhân của Khách hàng cho ngân hàng, đối tác, tổ chức và các cơ quan khác bao gồm cả cơ quan chính quyền nước ngoài (nếu có) để phục vụ cho các mục đích được nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, nhân viên của VPBankS; cá nhân, tổ chức được chỉ định để phân phối,

cung cấp dịch vụ cho Khách hàng; công ty thành viên, công ty liên kết, công ty con/ công ty mẹ, tổ chức, đối tác có liên quan hoặc có quan hệ hợp tác với VPBankS; tổ chức, đối tác, nhà thầu/nhà thầu phụ hỗ trợ, cung cấp dịch vụ cho VPBankS, giúp VPBankS thu thập, xử lý dữ liệu, thông tin của khách hàng; tổ chức kiểm toán, hoặc các cá nhân, cơ quan, tổ chức mà VPBankS phải cung cấp thông tin theo (i) nghĩa vụ pháp lý, hoặc (ii) quy định của pháp luật, hoặc (iii) yêu cầu của cơ quan quản lý, cơ quan chức năng.

Điều 46. CAM KẾT BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN VÀ CÁC RỦI RO TIỀM ẨN

46.1. VPBankS đề cao và tôn trọng quyền riêng tư, bảo mật và an toàn thông tin cá nhân. Đồng thời, VPBankS luôn nỗ lực bảo vệ thông tin cá nhân, quyền riêng tư của Khách hàng (bao gồm cả những chủ thể có liên quan của Khách hàng) và tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam thông qua những biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân đáp ứng và phù hợp với các quy định được ban hành.

46.2. VPBankS chỉ thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu cá nhân của Khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật và trong phạm vi (các) hợp đồng, thỏa thuận, văn bản được giao kết giữa VPBankS và Khách hàng.

46.3. VPBankS cam kết, bằng mọi nỗ lực cần thiết và hợp lý, xử lý dữ liệu cá nhân của Khách hàng một cách an toàn, bảo mật và đảm bảo các quyền của Khách hàng tuân thủ theo quy định của pháp luật.

46.4. VPBankS cam kết sẽ không trao đổi, cho thuê dữ liệu cá nhân của Khách hàng mà không có sự chấp thuận của Khách hàng hoặc thực hiện bán dữ liệu cá nhân của Khách hàng dưới bất kỳ hình thức nào.

46.5. Tuy nhiên, Internet và mạng lưới thông tin điện tử, môi trường công nghệ thông tin không phải là một môi trường an toàn và việc truyền tải, chia sẻ dữ liệu của Khách hàng có thể có các rủi ro tiềm ẩn, do đó VPBankS không thể bảo đảm chắc chắn rằng các dữ liệu cá nhân của Khách hàng luôn được bảo mật một cách tuyệt đối tại mọi thời điểm. Khách hàng hiểu rằng việc cung cấp và chấp thuận cho VPBankS sử dụng dữ liệu cá nhân sẽ luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của hệ thống, đường truyền, sự kiện bất khả kháng, virus, tấn công mạng hoặc lỗi phần cứng, phần mềm, các hành động, thao tác của Khách hàng hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác ảnh hưởng đến việc cung cấp và xử lý dữ liệu cá nhân của Khách hàng.... Các rủi ro có thể phát sinh như việc dữ liệu cá nhân của Khách hàng có thể bị lộ hoặc bị đánh cắp bởi một bên khác dẫn đến việc các dữ liệu cá nhân này có thể được sử dụng vào những mục đích không mong muốn hoặc nằm ngoài tầm kiểm soát của VPBankS và Khách hàng gây ra những tổn thất cả về vật chất và tinh thần.

Điều 47. THỜI GIAN XỬ LÝ DỮ LIỆU

Việc xử lý dữ liệu cá nhân sẽ được bắt đầu kể từ thời điểm VPBankS nhận được thông tin, dữ liệu cá nhân của Khách hàng. VPBankS sẽ duy trì việc xử lý dữ liệu cá nhân của Khách hàng trong khoảng thời gian Khách hàng xác lập các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản với VPBankS. VPBankS cũng có thể lưu trữ dữ liệu cá nhân của Khách hàng trong một giai đoạn thời gian theo quy định của pháp luật.

Điều 48. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

48.1. Khách hàng có các quyền sau đây: (i) Quyền được biết; (ii) Quyền đồng ý; (iii) Quyền truy cập; (iv) Quyền rút lại sự đồng ý; (v) Quyền xóa dữ liệu; (vi) Quyền hạn chế xử lý dữ liệu; (vii) Quyền cung cấp dữ liệu; (viii) Quyền phản đối xử lý dữ liệu; (ix) Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện; (x) Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại; (xi) Quyền tự bảo vệ và các quyền có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

48.2. Khách hàng hiểu và đồng ý rằng, việc cung cấp Dữ liệu cá nhân của Khách hàng cho VPBankS (bao gồm và không giới hạn bởi các thông tin VPBankS đã có trước, trong và sau khi

Khách hàng chấp thuận các T&C BVDLCN này) chính là sự chấp nhận toàn phần của Khách hàng cho phép VPBankS sử dụng Dữ liệu cá nhân trong suốt quy trình tiếp nhận và xử lý dữ liệu cá nhân, bắt đầu từ khi VPBankS tiếp nhận thông tin cho đến khi có yêu cầu chấm dứt việc xử lý dữ liệu từ Khách hàng.

48.3. Trong trường hợp VPBankS hỗ trợ Khách hàng truy cập và chỉnh sửa dữ liệu cá nhân của Khách hàng do VPBankS nắm giữ, VPBankS có thể yêu cầu thêm tài liệu, hồ sơ để xác minh, nhận biết khách hàng.

48.4. Trong trường hợp Khách hàng không chấp nhận các điều khoản, hoặc rút lại sự đồng ý hoặc bất kỳ yêu cầu, hoạt động nào hạn chế việc xử lý dữ liệu cá nhân của Khách hàng, thì các yêu cầu, hoạt động đó có thể, tùy từng trường hợp, làm cho việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ, các tính năng trên trang thông tin điện tử, ứng dụng hoặc thiết bị của VPBankS bị gián đoạn, giới hạn, hạn chế, tạm ngừng, hủy bỏ, ngăn cản hoặc bị cấm đoán. VPBankS sẽ không chịu trách nhiệm đối với Khách hàng cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh liên quan đến việc giới hạn, hạn chế, tạm ngừng, hủy bỏ, ngăn cản, hoặc cấm đoán đó.

48.5. Khách hàng có các nghĩa vụ sau đây:

- (i) Tự bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình, yêu cầu các tổ chức, cá nhân khác có liên quan bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình. Đồng thời, tôn trọng và bảo vệ dữ liệu cá nhân của người khác;
- (ii) Cung cấp đầy đủ, chính xác dữ liệu cá nhân cho VPBankS khi giao kết hợp đồng hoặc sử dụng dịch vụ do VPBankS cung cấp;
- (iii) Thực hiện và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và tham gia phòng, chống các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

48.6. Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh dữ liệu cá nhân, Khách hàng có trách nhiệm liên hệ và thông báo ngay cho VPBankS để VPBankS thực hiện cập nhật kịp thời những thay đổi, điều chỉnh đó. Khách hàng sẽ chịu trách nhiệm toàn bộ đối với việc chậm trễ thông báo này; đồng thời, việc chậm trễ thông báo này từ phía Khách hàng sẽ miễn trừ cho VPBankS khỏi mọi thiệt hại, rủi ro phát sinh cho Khách hàng và các bên liên quan (nếu có).

48.7. Bằng việc cung cấp Dữ liệu cá nhân của một bên thứ ba (bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thông tin của người phụ thuộc, người có liên quan theo quy định pháp luật, vợ/chồng, con cái và/hoặc cha mẹ và/hoặc người giám hộ, bạn bè, người tham chiếu, bên thụ hưởng, người được ủy quyền, đối tác, người liên hệ trong các trường hợp khẩn cấp hoặc cá nhân khác của Khách hàng) cho VPBankS, Khách hàng cam đoan, bảo đảm và chịu trách nhiệm rằng Khách hàng đã có được sự đồng ý hợp pháp của bên thứ ba đó cho việc xử lý và thông tin về việc VPBankS là chủ thể xử lý các Dữ liệu cá nhân cho các mục đích được nêu tại T&C BVDLCN.

Điều 49. XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG CẦN SỰ ĐỒNG Ý CỦA CHỦ THỂ DỮ LIỆU

VPBankS có quyền tiến hành xử lý dữ liệu cá nhân mà không cần sự đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân của Khách hàng trong các trường hợp sau:

- (i) Trong trường hợp khẩn cấp, cần xử lý ngay dữ liệu cá nhân có liên quan để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của Khách hàng hoặc người khác;
- (ii) Việc công khai dữ liệu cá nhân theo quy định của luật;
- (iii) Việc xử lý dữ liệu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; khi có nguy cơ đe dọa an ninh, quốc phòng nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; phòng, chống bạo loạn, khủng bố, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của luật;

(iv) Để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của Khách hàng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của luật;

(v) Phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước đã được quy định theo luật chuyên ngành.

Điều 50. XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

50.1 VPBankS sẽ có thể ghi âm, ghi hình và xử lý dữ liệu cá nhân thu thập được từ camera quan sát (“CCTV”) tại các khu vực có lắp CCTV (bao gồm nhưng không giới hạn bởi khu vực văn phòng, khu vực ở hành lang, khu vực lối ra,...) phù hợp với các yêu cầu đảm bảo an ninh trong hoạt động của VPBankS và cho Khách hàng theo quy định của pháp luật.

50.2 VPBankS luôn tôn trọng và bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em. Ngoài các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân được quy định theo pháp luật, trước khi xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em, VPBankS sẽ thực hiện xác minh tuổi của trẻ em và yêu cầu sự đồng ý của (i) trẻ em và/hoặc (ii) cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em theo quy định của pháp luật.

50.3 Bên cạnh tuân thủ theo các quy định pháp luật có liên quan khác, đối với việc xử lý dữ liệu cá nhân liên quan đến dữ liệu cá nhân của người bị tuyên bố mất tích/ người đã chết, VPBankS sẽ phải được sự đồng ý của một trong số những người có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 51. CHẤP THUẬN CỦA KHÁCH HÀNG

51.1. Khi sử dụng bất kỳ dịch vụ, sản phẩm hoặc truy cập bất kỳ trang tin điện tử, ứng dụng hoặc thiết bị của VPBankS hoặc được kết nối đến VPBankS, Khách hàng được coi là đã chấp nhận toàn bộ T&C BVDLCN này; đồng thời chấp thuận các quy định tại Điều 13 về Bảo mật và Sử dụng thông tin của Bộ Điều khoản và Điều kiện Hợp đồng Mở tài khoản chứng khoán giữa VPBankS và Khách hàng. Trong trường hợp Khách hàng không chấp nhận T&C BVDLCN này, Khách hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng các dịch vụ, sản phẩm được cung cấp bởi VPBankS.

51.2. VPBankS có thể sửa đổi, cập nhật hoặc điều chỉnh các điều khoản của T&C BVDLCN này theo cách thức đã được quy định tại Điều 10 của Bộ Điều khoản và Điều kiện Hợp đồng Mở tài khoản chứng khoán giữa VPBankS và Khách hàng